

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**LÊ VĂN NHÀN**

**QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT  
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH GIA LAI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI, năm 2016**

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**LÊ VĂN NHÀN**

**QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT  
TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH GIA LAI**

**Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự**

**Mã số : 60.38.01.04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**GS.TS. VÕ KHÁNH VINH**

**HÀ NỘI, năm 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong Luận văn Thạc sỹ Luật học “*Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm từ thực tiễn tỉnh Gia Lai*” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc. Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của GS.TS. Võ Khánh Vinh.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

**Tác giả luận văn**

**Lê Văn Nhàn**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM</b> .....	7
1.1. Khái quát về đồng phạm .....	7
1.2. Khái niệm, ý nghĩa quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm .	15
1.3. Các nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm .....	21
1.4. Các căn cứ quyết định hình phạt trong đồng phạm .....	25
Kết luận Chương 1 .....	31
<b>CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH GIA LAI</b> .....	32
2.1. Quy định của Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.....	32
2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Gia Lai.....	41
2.3. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm .....	54
Kết luận Chương 2 .....	57
<b>CHƯƠNG 3. NHỮNG GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYẾT ĐỊNH ĐÚNG HÌNH PHẠT TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM</b> .....	58
3.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện và bảo đảm áp dụng đúng quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm .....	58
3.2. Những giải pháp bảo đảm áp dụng quy định đúng về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.....	60
Kết luận Chương 3 .....	69
<b>KẾT LUẬN</b> .....	70
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự:
HĐPTANDTC	Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao
HĐXX	Hội đồng xét xử
NXB	Nhà xuất bản:
TAND	Tòa án nhân dân:
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHS	Trách nhiệm hình sự:
TTCC	Trật tự công cộng:
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân:

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>Số hiệu bảng</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
2.1.	Bảng thống kê số vụ và số bị cáo phạm tội nói chung so sánh với số vụ và số bị cáo phạm tội bằng đồng phạm nói riêng (từ năm 2010 đến năm 2015)	42
2.2.	Bảng thống kê số vụ án và số bị cáo thực hiện tội phạm bằng đồng phạm từ năm 2010 đến năm 2015	42
2.3.	Bảng thống kê số bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm sau khi xét xử sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị và kết quả xét xử phúc thẩm từ năm 2010 đến năm 2015	46

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Gia Lai là một tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng – an ninh; có diện tích tự nhiên lớn thứ hai toàn quốc (15.536 Km<sup>2</sup>); có 17 đơn vị hành chính cấp huyện, 222 xã, phường, thị trấn, trong đó có 07 xã biên giới thuộc 03 huyện; có chiều dài 90 km đường biên giới trên bộ tiếp giáp với tỉnh Rattanakiri thuộc Vương quốc Campuchia. Dân số của tỉnh Gia Lai đứng thứ 22 toàn quốc (trên 1,3 triệu người), gồm có 34 dân tộc, trong đó, người dân tộc thiểu số chiếm 45%, chủ yếu là dân tộc Jrai (30,16%) và Bahnar (12,3%). Trên địa bàn tỉnh có 5 tôn giáo, với 330.604 tín đồ, chiếm 23,5% dân số toàn tỉnh, trong đó số tín đồ là đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm 44,02%. Từ năm 2010 đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Gia Lai tình hình tội phạm xảy ra với chiều hướng ngày càng gia tăng, Tòa án phải xét xử hình sự sơ thẩm 5645 vụ/11.905 bị cáo.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Điều 102 quy định: “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”. Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/03/2014 của Bộ chính trị đã xác định Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 về cơ bản là đúng đắn; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm. Quyết định hình phạt là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự do Tòa án thực hiện trong công tác xét xử. Quyết định hình phạt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị, xã hội và pháp luật. Chỉ khi hình phạt được quyết định một cách chính xác và công bằng, thì mục đích của hình phạt mới đạt được; có tác dụng trừng trị,

giáo dục và cải tạo người phạm tội, ngăn ngừa tội phạm mới và răn đe giáo dục người khác. Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm là một phần trong quyết định hình phạt nói chung được thực hiện cơ quan Tòa án nhân dân trong công tác xét xử. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng chế định đồng phạm trong hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động xét xử nói riêng thì thấy còn có nhiều vấn đề bất cập. Đặc biệt là vấn đề quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm. Quyết định hình phạt là việc Tòa án lựa chọn một hình phạt cụ thể để áp dụng đối với người phạm tội. Khi quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, nhiều Tòa án đã gặp không ít khó khăn do một số quy định về quyết định hình phạt còn mang tính khái quát cao, chưa chặt chẽ, một số quy định khác còn chưa theo kịp tiến trình phát triển của đời sống kinh tế xã hội... Chính những hạn chế này đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc nâng cao hiệu quả của hình phạt. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống đề tài "Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm", làm rõ hơn về mặt lý luận nhằm góp phần vào việc hoàn chỉnh hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam là yêu cầu cấp thiết, đáp ứng quá trình hội nhập, hợp tác quốc tế, đặc biệt khi Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Đó chính là lý do mà đề tài "*Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm từ thực tiễn tỉnh Gia Lai*" đã được lựa chọn để nghiên cứu.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

### *\* Tình hình nghiên cứu lý luận*

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài Luận văn, các công trình lý luận về pháp luật hình sự sau đây đã được nghiên cứu và tham khảo: "Quyết định hình phạt" trong giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung, nhà xuất bản Khoa học xã hội năm 2014 của GS.TS Võ Khánh Vinh; Bình luận khoa học Bộ luật hình sự, nhà xuất bản Lao động của tác giả Đinh Văn Quế; Giáo trình Bộ luật hình sự, nhà xuất bản Tư pháp của Trường đại học kinh tế Đà



Năng; Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm của tác giả Dương Tuyết Miên Trường Đại học luật Hà Nội; Một số vấn đề quyết định hình phạt quy định trong BLHS của tác giả Đinh Văn Quế Chánh tòa hình sự Tòa án nhân dân tối cao.... ; Vấn đề pháp lý của quy phạm "nguyên tắc quyết định hình phạt" tại Điều 37 Bộ luật hình sự Việt Nam (Một số vấn đề lý luận-thực tiễn và hoàn thiện pháp luật), của TSKH. Lê Cẩm; Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Mục VI, Chương XIX "Quyết định hình phạt", trong sách: "Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phân chung" của Trung tâm đào tạo từ xa - Đại học Huế, do TS.Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Giáo dục, 2001; "Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phân chung" (2002), Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; "Giáo trình luật hình sự Việt Nam", Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb CAND (2004); "Lý luận chung về định tội danh" (2013), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. Ngoài ra còn có những bài viết về vấn đề quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm... được đăng tải trên tạp chí Nhà nước và Pháp luật, tạp chí Tòa án nhân dân, tạp chí Kiểm sát nhân dân... trong những năm gần đây.

Các công trình đã nêu trên là cơ sở lý luận quan trọng không thể thiếu được trong việc thực hiện đề tài Luận văn. Bởi vì, trong đó không chỉ chứa đựng những hướng dẫn lý luận về các vấn đề cơ bản mà đề tài Luận văn cần phải giải quyết, mà còn có những chỉ dẫn cho việc thực hiện đề tài như thế nào.

*\* Tình hình nghiên cứu thực tế*

Ở một mức độ cụ thể và liên quan trực tiếp đến đề tài Luận văn hay cùng hướng nghiên cứu với đề tài Luận văn, các công trình khoa học cụ thể sau đây đã được tham khảo: "*Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*", Luận án Tiến sĩ Luật học của Dương Tuyết Miên, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2003; "*Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm*", Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Trương Minh Tuấn, Học viện khoa học xã hội -

Khoa học xã hội Việt Nam - Viện hàn lâm; “*Quyết định hình phạt trong đồng phạm*”, Luận văn Thạc sĩ luật học của tác giả Nguyễn Thị Bình, Khoa luật – Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Trước yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm nói chung, đặc biệt là những tội phạm được thực hiện bằng hình thức đồng phạm, Luận văn này nhằm mục đích làm rõ hơn, cụ thể hơn về mặt lý luận những vấn đề quyết định hình phạt trong vụ án đồng phạm, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả của quyết định hình phạt trong vụ án hình sự có đồng phạm. Trên cơ sở lý luận chung về đồng phạm và quyết định hình phạt trong đồng phạm người nghiên cứu kế thừa một cách có chọn lọc những kết quả nghiên cứu đó để làm sâu sắc thêm những vấn đề lý luận và việc áp dụng các quy định này của Bộ luật hình sự hiện hành vào thực tiễn xét xử, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

#### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được mục đích trên, đề tài tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Làm sáng tỏ vấn đề lý luận và thực tiễn về đồng phạm và quyết định hình phạt trong đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam.
- Làm rõ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm.
- Đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự và bảo đảm áp dụng đúng các quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của luận văn này nghiên cứu quyết định hình phạt

trong vụ án hình sự có đồng phạm (thông qua thực tiễn xét xử án hình sự sơ thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai) mà cụ thể là các vấn đề như:

- Một số vấn đề chung về đồng phạm;
- Một số vấn đề chung về quyết định hình phạt;
- Nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm;
- Các căn cứ quyết định hình phạt trong đồng phạm;
- Kiến nghị và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc quyết định hình phạt trong đồng phạm;
- Việc áp dụng các quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm trong thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

#### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

- Về nội dung: Luận văn nghiên cứu quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm được thực hiện trong phạm vi của chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự;
- Về địa bàn và thời gian: Luận văn sử dụng số liệu xét xử và 100 bản án đã được xét xử trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong các năm từ 2010 đến 2015.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### *5.1. Phương pháp luận*

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, quan điểm và đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về chính sách hình sự.

#### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

Để hoàn thành đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù như: phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp thống kê, phương pháp so sánh để giải quyết nội dung đặt ra từ đề tài.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

### *6.1. Ý nghĩa lý luận*

Kết quả của đề tài góp phần làm phong phú thêm cho lý luận của khoa học luật hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

Luận văn góp phần vào việc quyết định hình phạt trong đồng phạm của cơ quan Tòa án, cũng như đưa ra các kiến nghị hoàn thiện các quy phạm của chế định quyết định hình phạt trong vụ án hình sự có đồng phạm trong lĩnh vực lập pháp, cũng như việc áp dụng chúng trong thực tiễn; góp phần cá thể hóa hình phạt và cá thể hóa tội phạm.

### *6.2. Ý nghĩa thực tiễn*

Luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo trong lĩnh vực pháp luật, kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cần thiết cho các cán bộ đang làm công tác thực tiễn trong các cơ quan tiến hành tố tụng, các cán bộ nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành tư pháp luật hình sự.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm

Chương 2: Quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Gia Lai

Chương 3: Những giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng trong trường hợp đồng phạm

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM

### 1.1. Khái quát về đồng phạm

#### 1.1.1. Khái niệm đồng phạm

Nghiên cứu thực tiễn công tác phòng ngừa và chống tội phạm cho thấy một tội phạm có thể do một hoặc nhiều người thực hiện. Được coi là đồng phạm khi những người phạm tội có chung hành động và cùng cố ý thực hiện một tội phạm cụ thể. Pháp luật hình sự các nước quan niệm không giống nhau về khái niệm đồng phạm. Điềm qua quy định của một số nước trên thế giới quy định về khái niệm đồng phạm thấy rằng:

Bộ luật hình sự Thụy Điển quy định về người đồng phạm là người phối hợp với người khác cùng thực hiện một hành vi phạm tội hoặc một người tìm cách xúi giục người khác phạm tội hoặc đề nghị người khác phạm tội. Hình phạt đối với người đồng phạm được quy định nhẹ hơn hình phạt nặng nhất và có thể thấp hơn hình phạt nhẹ nhất áp dụng đối với tội đã hoàn thành (Điều 2 Chương 23). Bộ luật hình sự Nhật Bản quy định về khái niệm người đồng phạm bao gồm người "đồng chính phạm" và "người xúi giục, người giúp sức". Theo đó, hai hoặc nhiều người cùng thực hiện một tội phạm đều là những chính phạm (Điều 60). Người xúi giục người khác hoặc xui người xúi giục sẽ bị xử lý như người chính phạm (Điều 61). Người giúp đỡ chính phạm và người xui người giúp đỡ chính phạm là người giúp sức (Điều 62). Hình phạt đối với người giúp sức được giảm nhẹ hơn so với hình phạt đối với chính phạm (Điều 63). Người xúi giục hoặc giúp sức thực hiện một tội phạm mà đối với tội đó bị xử phạt giam hình sự hoặc bị phạt tiền về tội hình sự nhỏ thì không bị xử phạt, trừ trường hợp có quy định khác (Điều 64). Về các loại

người đồng phạm và trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm, Điều 133 Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996 quy định: "các loại người đồng phạm gồm người thực hành, người tổ chức, người xúi giục và người giúp sức". Bộ luật hình sự Liên bang Nga, giống như Bộ luật hình sự nước ta, quan niệm đồng phạm chỉ có trong các tội phạm cố ý. Điều 32 Bộ luật hình sự Liên bang Nga năm 1996 quy định: "Hai hay nhiều người cùng cố ý tham gia thực hiện một tội cố ý là đồng phạm".

Vấn đề đồng phạm được luật hình sự Việt Nam quy định từ sớm. Quốc triều hình luật tuy chưa có quy định về khái niệm nhưng cũng đã đề cập đến vấn đề đồng phạm tại một số điều như Điều 35, Điều 36, Điều 116, Điều 411, Điều 412, Điều 454, Điều 469, Điều 539 (1). Các điều trên không quy định về khái niệm đồng phạm mà chỉ quy định về những người đồng phạm, bao gồm: thủ phạm, kẻ chủ mưu, kẻ tòng phạm (người xúi giục, người giúp sức), đồng thời đã có những quy định phân hóa trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm. Ví dụ, Điều 53 Quốc triều hình luật quy định: "Nhiều người cùng phạm một tội thì lấy người khởi xướng làm đầu, người a tòng được giảm một bậc. Nếu tất cả người trong một nhà cùng phạm tội, chỉ bắt tội người tôn trưởng" [28, tr.53]. Điều 469 Quốc triều hình luật quy định: Đồng mưu đánh người bị thương thì kẻ nào đánh nhiều đòn nặng là thủ phạm; kẻ chủ mưu cũng phải cùng một tội; còn người tòng phạm thì được giảm một bậc; đánh đến chết thì xem xét chết vì thương tích nào, kẻ đánh thương tích ấy nặng tội. Nếu không xét được rõ ràng thì kẻ hạ thủ sau cùng xử nặng tội. Nếu đánh loạn xạ không biết ai đánh trước sau, nhiều ít thì kẻ chủ mưu nặng tội nhất, còn kẻ khác đều xử giảm tội một bậc [28, tr.170-171]. Trước khi có Bộ luật hình sự năm 1985, lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nước ta đã sử dụng thuật ngữ "cộng phạm" để nói về khái niệm đồng phạm. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nhằm bảo vệ chính quyền nhân dân non trẻ, bảo vệ

thành quả cách mạng vừa giành được, bảo vệ trật tự xã hội mới Nhà nước ta đã ban hành một số sắc lệnh về việc trừng trị một số tội phạm trong đó có quy định việc xử lý các trường hợp cộng phạm theo nguyên tắc "Những người đồng phạm hoặc oa trữ những tang vật của các tội phạm cũng bị xử lý như chính phạm" [16]. Sắc lệnh số 223-SL ngày 17/11/1946 quy định: "Người phạm tội đưa hối lộ và nhận hối lộ có thể bị xử tịch thu nhiều nhất là 3/4 tài sản. Những người đồng phạm khác cũng bị xử phạt như trên". Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30/10/1967 đã quy định về các loại người đồng phạm và phân hóa trách nhiệm hình sự khá rõ đối với từng người người đồng phạm, tùy thuộc tính chất và mức độ tham gia phạm tội của họ. Điều 2 Pháp lệnh trên quy định nguyên tắc trừng trị bọn phản cách mạng là "nghiêm trị bọn chủ mưu, bọn cầm đầu, bọn thủ ác, bọn ngoan cố chống lại cách mạng; khoan hồng đối với những kẻ bị ép buộc, bị lừa phỉnh, lầm đường và những kẻ thật thà hối cải, giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn hình phạt cho những kẻ lập công chuộc tội". Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng đã phân hóa trách nhiệm hình sự của các loại người: chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, xúi giục, người hoạt động đắc lực, người tham gia, giúp đỡ. Tòa án nhân dân tối cao đã có một số văn bản hướng dẫn khái niệm về cộng phạm đối với một số tội phạm cụ thể [31, tr.29-32]. Như vậy, trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 thì chưa có một căn bản pháp luật hình sự nào quy định thống nhất về khái niệm cộng phạm đối với tội phạm nói chung. Để có cơ sở pháp lý thống nhất cho việc xử lý về hình sự đối với những trường hợp nhiều người có ý cùng thực hiện một tội phạm, Bộ luật hình sự đã có điều luật riêng quy định về đồng phạm. Khoản 1 Điều 20 Bộ luật hình sự 1999 quy định đồng phạm là trường hợp "có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm". Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học luật hình sự, có thể đưa ra định nghĩa khoa học về khái niệm đồng phạm như sau: "Đồng phạm là hình thức phạm tội do

cố ý được thực hiện với sự cố ý cùng tham gia của hai người trở lên" [10, tr.458]. Điều 20 Bộ luật hình sự nước ta quy định khái niệm đồng phạm ngay tại khoản 1, sau đó mới quy định các loại người đồng phạm tại khoản 2. Như vậy, để được coi là người đồng phạm với vai trò là người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức thì trước hết những người này phải thỏa mãn dấu hiệu đồng phạm tại khoản 1, nghĩa là phải thỏa mãn dấu hiệu hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm. Quan điểm phổ biến trong lý luận luật hình sự và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự hiện nay cho rằng, để được coi là "cố ý cùng thực hiện một tội phạm" trong vụ đồng phạm thì ngoài việc mỗi người tham gia vào việc phạm tội phải có lỗi cố ý, ít nhất họ còn phải nhận thức được sự cố ý tham gia vào việc phạm tội của người thứ hai cùng với mình để thực hiện một tội phạm. Xuất phát từ quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự và từ quan điểm phổ biến trên, nảy sinh vấn đề là người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức cho người khác thực hiện tội phạm nhưng không thỏa mãn dấu hiệu đồng phạm, ngoài một số điều luật quy định trách nhiệm hình sự riêng đối với những người này thì lại không có cơ sở để truy cứu, áp dụng trách nhiệm hình sự đối với họ.

Như vậy quá trình tìm hiểu, nghiên cứu đã cho chúng ta khái niệm đầy đủ và thống nhất về đồng phạm. Ta biết rằng đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện tội phạm. Hay nói cách khác, khi một tội phạm được thực hiện bởi ít nhất là hai chủ thể và hai chủ thể đó thỏa mãn dấu hiệu "cùng cố ý" thì trường hợp đó tội phạm được coi là đồng phạm.

### ***1.1.2. Đặc trưng cơ bản của đồng phạm***

Theo nội dung khái niệm về đồng phạm quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, tội phạm được coi là đồng phạm đòi hỏi phải có những dấu hiệu đặc trưng và bắt buộc sau:



### *a. Những dấu hiệu khách quan*

*Thứ nhất*, có sự tham gia của hai người trở lên thực hiện một tội phạm. Đây là dấu hiệu bắt buộc thuộc về mặt khách quan của đồng phạm, nếu thiếu về số lượng người tham gia thực hiện một tội phạm thì sẽ không có cấu thành đồng phạm. Tội phạm do một người thực hiện chỉ là trường hợp phạm tội riêng lẻ, cấu thành tội phạm độc lập, hậu quả phạm tội là do hành động và ý chí của một người gây ra. Chỉ khi có từ hai người trở lên tham gia thực hiện tội phạm thì mới có sự bàn bạc và cùng nhau hành động [6, tr.218]. Trong đồng phạm, những người tham gia thực hiện tội phạm đều phải có đủ điều kiện của chủ thể của tội phạm, tức là họ phải có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt đủ tuổi theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự. Riêng đối với người thực hành còn phải có thêm dấu hiệu của chủ thể đặc biệt nếu cấu thành tội phạm của tội mà cả bọn cùng tham gia thực hiện đòi hỏi. Nếu trong một vụ án có nhiều người tham gia thực hiện nhưng chỉ có một người tham gia thỏa mãn các điều kiện về chủ thể thì vụ án đó không có đồng phạm [30, tr.16]. Ngoài ra, mỗi người đều phải có hành vi tham gia vào tội phạm. Những hành vi này có thể là hành vi trực tiếp thực hiện tội phạm, hành vi tổ chức, hành vi xúi giục hoặc là hành vi giúp sức. Nếu không có một trong những loại hành vi này thì không thể coi là cùng tham gia thực hiện một tội phạm, như vậy cũng không thể coi là người đồng phạm được. Trong đồng phạm đòi hỏi mỗi người đều phải có hành vi tham gia vào việc thực hiện tội phạm và những hành vi này phải có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội được coi là tội phạm. Khi có nhiều người cùng tham gia vào việc thực hiện tội phạm, không phải mọi người đều tham gia như nhau mà có người tham gia ít, có người tham gia nhiều, có sự tham gia của họ có tính chất quyết định đến hoạt động tội phạm chung, hậu quả phạm tội chung nhưng có hành vi của họ chỉ có tác động nhỏ, về hình thức hành vi của người này cũng là hành vi đồng phạm nhưng vì tác

động thực tế của nó là nhỏ nhất, tính nguy hiểm cho xã hội không đáng kể nên không coi là hành vi đồng phạm, không là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác (khoản 4 Điều 8 Bộ luật hình sự).

*Thứ hai*, có sự cùng chung hành động của người tham gia vào việc thực hiện một tội phạm. Cùng tham gia thực hiện tội phạm có nghĩa là trong đồng phạm, mỗi người phải có hành vi tham gia vào việc thực hiện tội phạm hoặc là hành vi trực tiếp thực hiện hoặc là hành vi tổ chức hoặc là hành vi xúi giục hoặc là hành vi giúp sức. Những hành vi có tính nguy hiểm cho xã hội đáng kể của họ được thực hiện trong môi liên kết thống nhất, qua lại lẫn nhau. Hành vi của người này hỗ trợ, bổ sung và là điều kiện cho hành vi của người khác, có ảnh hưởng tác động đến hành vi đó, làm cho nó thay đổi về chất, có hiệu quả hơn. Hành vi của mỗi người là một khâu cần thiết cho hoạt động tội phạm của cả bọn "nhằm thực hiện một tội phạm nhất định và để đạt được một kết quả phạm tội thống nhất" [29, tr.196]. Hậu quả của tội phạm là kết quả chung do hoạt động của tất cả những người cùng tham gia thực hiện tội phạm mang lại. Hành vi của người thực hành là nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh hậu quả chung, còn hành vi của người khác thông qua hành vi của người thực hành mà gây ra hậu quả đó. Những hành vi của người tổ chức, người xúi giục bao giờ cũng phải xảy ra trước hành vi của người thực hành. Còn hành vi của người giúp sức có thể xảy ra trước hoặc đồng thời với hành vi phạm tội của người thực hành nhưng không khi nào xảy ra sau khi hành vi của người thực hành đã kết thúc [6, tr.220].

#### *b. Những dấu hiệu chủ quan*

*Thứ nhất*, có sự cùng cố ý của những người tham gia thực hiện tội phạm. Nếu thiếu dấu hiệu này thì mặc dù hành vi của những người phạm tội thỏa mãn dấu hiệu khách quan ở trên cũng sẽ không có đồng phạm mà chỉ là hình thức nhiều người cùng phạm một tội [30, tr.23]. Theo luật hình sự Việt

Nam thì đồng phạm chỉ đặt ra đối với những trường hợp cùng phạm tội cố ý. Ở những tội phạm được thực hiện với lỗi vô ý, người phạm tội không có ý định phạm tội, không có sự bàn bạc thỏa thuận cùng nhau thực hiện tội phạm, không mong muốn hoặc không bỏ mặc cho hậu quả xảy ra, giữa họ không có sự cùng cố ý nên trong trường hợp này không có đồng phạm xảy ra. Mỗi người phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về hành vi vô ý phạm tội của mình [6, tr.222].

*Thứ hai*, có mục đích trong đồng phạm. Với những tội phạm luật hình sự quy định mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm thì những người đồng phạm phải có mục đích phạm tội đó. Nếu không thỏa mãn dấu hiệu cùng mục đích phạm tội thì sẽ không có đồng phạm. Đối với những tội phạm mà mục đích và động cơ không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm thì khi tham gia vào việc thực hiện tội phạm, những người đồng phạm có thể có những mục đích và động cơ khác nhau.

### ***1.1.3. Ý nghĩa của khái niệm đồng phạm***

Chế định đồng phạm nói chung và khái niệm đồng phạm nói riêng lần đầu tiên được quy định trong luật hình sự của nước ta có ý nghĩa về mặt lập pháp hết sức to lớn. Nó đánh dấu sự trưởng thành về kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta.

Về mặt lý luận, khái niệm đồng phạm được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 để từ đó xác định các quy phạm khác của chế định đồng phạm về những loại người đồng phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm trong đồng phạm, tự ý nửa chừng chấm dứt việc thực hiện tội phạm trong đồng phạm, các hình thức đồng phạm và trách nhiệm hình sự trong đồng phạm; là cơ sở lý luận cho việc tiếp tục nghiên cứu những vấn đề khác mang tính đặc thù đối với đồng phạm như các giai đoạn thực hiện tội phạm, các hình thức đồng phạm, tổ chức phạm tội... Khái niệm đồng phạm cùng với cấu thành tội phạm

là cơ sở pháp lý để phân biệt những hành vi đồng phạm với những hành vi liên quan đến tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự những người đồng phạm. Việc nhận thức đúng đắn khái niệm đồng phạm và xác định chính xác đồng phạm trong thực tiễn xét xử là bảo đảm quan trọng cho việc thực hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực hình sự, nguyên tắc xử lý được quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự năm 1999 nhằm xử lý đúng người, đúng tội, không kết tội oan và không bỏ lọt tội phạm.

Như vậy, khái niệm đồng phạm có ý nghĩa thống nhất về mặt nhận thức trong nghiên cứu lý luận cũng như trong thực tiễn xét xử. Bên cạnh những ý nghĩa nói trên, khái niệm đồng phạm còn có ý nghĩa trong việc xác định tính chất nguy hiểm cho xã hội của đồng phạm khi so sánh với các hình thức phạm tội khác như hình thức phạm tội riêng lẻ, hình thức phạm tội do nhiều người thực hiện nhưng không có đồng phạm. Việc xác định đúng đắn các dấu hiệu của đồng phạm và các loại người đồng phạm có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đã xảy ra trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng sai lầm trong việc xác định đồng phạm, dẫn đến việc truy tố, xét xử không đúng quy định của pháp luật. Trong mối quan hệ với luật tố tụng hình sự, khái niệm đồng phạm có ý nghĩa là một trong những cơ sở để thực hiện nhiều chế định của luật tố tụng hình sự như chế định chứng cứ (xác định những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự, thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ), chế định vật chứng... Ngoài ra, khái niệm đồng phạm còn có ý nghĩa là cơ sở cho một số ngành khoa học pháp lý có liên quan đến khoa học luật hình sự như tội phạm học, tâm lý học tư pháp... trong khi nghiên cứu các vấn đề về tội phạm có tổ chức, tội phạm trong vị thành niên, vấn đề đồng phạm dưới góc độ tâm lý học để đề xuất những biện pháp phòng, chống tội phạm có hiệu quả thiết thực hơn [30, tr.35].

#### ***1.1.4. Những loại người đồng phạm***

Theo quy định tại Điều 20 BLHS 1999 thì: “1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm. 2. Người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức đều là những người đồng phạm”.

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm. Người giúp sức là người tạo những điều kiện, tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm. Mức độ nguy hiểm cho xã hội trong trường hợp đồng phạm so với trường hợp phạm tội đơn lẻ là lớn hơn nhiều, khả năng thành công khi phạm tội rất cao. Do đó, mỗi người đồng phạm ngoài việc phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của từng người, họ còn phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm mà những người đồng phạm khác cùng thực hiện. Việc xác định trách nhiệm hình sự đối với những người đồng phạm, vừa phải căn cứ vào những nguyên tắc chung được áp dụng cho tất cả những trường hợp phạm tội, vừa phải tuân thủ những nguyên tắc có tính đặc thù.

### **1.2. Khái niệm, ý nghĩa quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm**

#### ***1.2.1. Khái niệm quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm***

Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Giai đoạn này chiếm vị trí đặc biệt trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Điều 26 Bộ luật hình sự quy định: “*Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Tòa án quyết định*”. Quyết định hình phạt do Hội đồng xét xử là các Thẩm phán, hoặc Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành đối với người thực hiện tội phạm theo một trật tự pháp lý nhất định, là một hoạt động pháp lý tố tụng

hình sự; bởi vì, để quyết định hình phạt Tòa án phải dựa vào kết quả của các giai đoạn tố tụng hình sự khác nhau - là quá trình sử dụng kết quả điều tra, kết quả buộc tội, kết quả thẩm vấn, tranh luận; là quá trình đối chiếu các tình tiết của một vụ án hình sự cụ thể với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm cụ thể gắn liền với việc đánh giá con người cụ thể đã thực hiện tội phạm; để xác định một loại và một mức hình phạt cụ thể tối ưu nhất trong việc cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Nội dung của quyết định hình phạt thể hiện ở hai điểm: 1) Tòa án lựa chọn một trong những hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật được áp dụng để quyết định đối với bị cáo; 2) xác định một mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo [8, tr.385]. Hai nội dung này được tiến hành theo trình tự đã nêu ở trên và được thực hiện khi áp dụng cả hình phạt chính lẫn hình phạt bổ sung. Quyết định hình phạt chỉ áp dụng đối với cá nhân người phạm tội, tức là chỉ người nào thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm thì phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình mà không thể ủy thác cho người khác.

Loại và mức hình phạt được quyết định áp dụng đối với bị cáo phải được thể hiện trong bản án theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và được công bố một cách công khai khi tuyên án .

Khi quyết định hình phạt phải bảo đảm tương xứng của hình phạt được tuyên với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện, với các đặc điểm nhân thân người phạm tội, với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, với dư luận xã hội, ý thức pháp luật.

Như vậy, *quyết định hình phạt là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội [8,tr.386].*

Khi quyết định hình phạt đối với trường hợp đồng phạm , Tòa án không

những phải tuân thủ những quy định về căn cứ quyết định hình phạt áp dụng cho trường hợp phạm tội nói chung mà còn tuân thủ theo những quy định về căn cứ quyết định hình phạt riêng áp dụng cho trường hợp đồng phạm. Những quy định chung áp dụng cho trường hợp đồng phạm Tòa án dựa vào chính là những quy định về tội phạm cụ thể mà những người đồng phạm cùng thực hiện; các căn cứ quyết định hình phạt như tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội chung; tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng người đồng phạm. Những căn cứ quyết định hình phạt chung luôn có ý nghĩa bắt buộc áp dụng đối với tất cả các trường hợp phạm tội trong đó có đồng phạm, nhưng khi Tòa án quyết định hình phạt cũng cần đặt chúng trong mối quan hệ với các căn cứ quyết định hình phạt riêng cho từng người đồng phạm.

Bộ luật hình sự của nhiều nước trên thế giới đã quy định rõ về việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm. ví dụ như: Bộ luật hình sự Nhật Bản quy định tại: tại điều 61 quy định “người thông qua sự xúi giục của mình mà làm cho người khác thực hiện một tội phạm thì sẽ bị xử lý như người chính phạm” điều 63 như sau: “hình phạt đối với người tòng phạm là hình phạt đối với người chính phạm được giảm nhẹ đi”; điều 64 quy định : “người xúi giục hoặc người giúp sức thực hiện một tội phạm mà đối với tội đó khi bị xử phạt giam hình sự hoặc phạt tiền về tội hình sự nhỏ thì không bị xử phạt”. Tại điều 69 BLHS Bỉ có quy định: “Hình phạt được tuyên đối với người tòng phạm không được vượt quá 2/3 mức hình phạt được tuyên đối với người thực hành” .

Ở nước ta, ngay từ thời kỳ phong kiến quyết định hình phạt trong đồng phạm đã được đề cập tới. Điều 35 Bộ luật Hồng Đức quy định: “nhiều người cùng phạm một tội thì lấy người khởi xướng làm đầu, người a tòng được giảm

một bậc”. Trong Hoàng Việt luật lệ (Luật gia Long) năm 1812 tại Điều 26 quy định: “phàm cùng phạm một tội thì lấy người tạo ý đầu tiên làm thủ, những người tùy tùng giảm một bậc. Nếu mọi người trong cùng một nhà cùng phạm một tội thì buộc tội một mình tôn trưởng” [19, tr.1]. Như vậy, hai bộ luật trên đã bước đầu phân hóa vai trò của những người tham gia đồng phạm, với nguyên tắc xử lý trong điều luật quy định xử nặng đối với người chủ mưu, xử nhẹ hơn đối với người tòng phạm; tuy nhiên luật chưa phân hóa triệt để trách nhiệm, vai trò của người đồng phạm và tính chất của đồng phạm.

Bộ luật hình sự nước ta 1985 quy định việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm ngay trong cùng điều luật quy định về đồng phạm tại khoản 4 Điều 17; việc quy định như vậy làm cho quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm như bị tách rời khỏi những quy định về quyết định hình phạt nói chung như thế là không hợp lý. Vì khi quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm thì ngoài những nguyên tắc và căn cứ đặc thù quy định tại khoản 4 Điều 17 BLHS 1985, Tòa án còn phải căn cứ quyết định hình phạt chung. Để khắc phục thiếu sót này, BLHS 1999 đã đưa nội dung quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm thành một điều luật riêng tại Điều 53 BLHS 1999, còn đồng phạm được quy định chung những quy định chung (Điều 20 BLHS 1999). Điều 53 Bộ luật hình sự 1999 quy định: “*Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó.*”

So với quy định của BLHS năm 1999, thì BLHS năm 2015 quy định về đồng phạm và quyết định hình phạt trong đồng phạm về cơ bản không có gì thay đổi. Theo quy định của BLHS năm 2015 đồng phạm quy định tại Điều 17 quy định: “1. *Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên có ý cùng*



*thực hiện một tội phạm.*

*...4. Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành”.*

Căn cứ quyết định hình phạt trong đồng phạm được quy định tại Điều 58 BLHS năm 2015 quy định: *“Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.*

*Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc người đồng phạm nào thì chỉ áp dụng đối với người đó”*

### ***1.2.2. Ý nghĩa của quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm***

*Thứ nhất, quyết định hình phạt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị - xã hội và pháp lý.*

Quyết định hình phạt góp phần củng cố và giữ vững pháp chế, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Hình phạt mà tòa án tuyên cho người phạm tội phải tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Hình phạt đã tuyên thỏa đáng sẽ làm cho người bị kết án thấy được tính chất sai trái của hành vi của mình cũng như sự cần thiết của bản án đã tuyên cho họ, từ đó tự giác tuân thủ pháp luật; đồng thời hình phạt đã tuyên thỏa đáng sẽ đủ sức răn đe những người không "vững vàng" trong xã hội để họ từ bỏ ý định phạm tội, tự giác chấp hành pháp luật của Nhà nước. Hơn nữa, việc tòa án tuyên hình phạt thỏa đáng cho người phạm tội sẽ có tác dụng giáo dục sâu rộng trong quần chúng nhân dân, làm cho quần chúng nhân dân thấy được sự nghiêm minh của luật pháp để tự giác tuân thủ pháp luật, tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

*Thứ hai, quyết định hình phạt đúng là cơ sở pháp lý đầu tiên để đạt được mục đích của hình phạt: trừng trị và giáo dục.*

Việc quyết định hình phạt phải đảm bảo cho hình phạt đã tuyên đạt được

cả hai mục đích này. Trừng trị và giáo dục là hai mặt có mối quan hệ hữu cơ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau và là hai mặt của một thể thống nhất trong khi quyết định hình phạt và Tòa án không được coi nhẹ mặt nào. Chỉ khi hình phạt được quyết định một cách chính xác và công bằng thì mục đích của hình phạt mới đạt được, tức là có tác dụng giáo dục và cải tạo người phạm tội, ngăn ngừa phạm tội mới và giáo dục người khác. Hình phạt được quyết định quá nhẹ so với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm đã được thực hiện sẽ sinh ra ở người phạm tội và ở những người khác thái độ xem thường pháp luật, còn hình phạt được quyết định quá nặng sẽ gây ra ở người bị kết án sự không tin tưởng vào tính công bằng của pháp luật và sự công minh của các cơ quan tiến hành tố tụng, từ đó dẫn đến hậu quả là giảm ý nghĩa phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của hình phạt.

*Thứ ba, quyết định hình phạt đúng là cơ sở quan trọng để có thể nâng cao hiệu quả của hình phạt.*

Hiệu quả của hình phạt phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác nhau như xây dựng pháp luật hình sự, quyết định hình phạt, chấp hành hình phạt, tuyên truyền giáo dục ý thức pháp luật cho công dân. Trong các yếu tố trên thì quyết định hình phạt đúng là yếu tố quan trọng nhất. Việc xây dựng hệ thống pháp luật hình sự hoàn thiện chỉ có ý nghĩa khi quyết định hình phạt trong thực tế được đúng. Mặt khác, việc chấp hành hình phạt chỉ phát huy tác dụng nếu tòa án quyết định hình phạt đúng. Những yếu tố xã hội khác đảm bảo hiệu quả của hình phạt như vấn đề tuyên truyền giáo dục pháp luật cho công dân để công dân tự giác chấp hành hình phạt sẽ không thể phát huy tác dụng khi quyết định hình phạt không đúng. Nếu hình phạt quá nhẹ hay quá nặng so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội sẽ làm cho người bị kết án không thấy được tính nghiêm minh của bản án và từ đó không tích cực lao động cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội cũng như gây ra dư luận

không tốt trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng tới niềm tin của quần chúng nhân dân đối với pháp luật, không động viên được quần chúng tham gia tích cực vào công tác đấu tranh vào phòng chống tội phạm và như vậy hiệu quả của hình phạt chắc chắn sẽ không đạt được [18, tr.10-12].

### **1.3. Các nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm**

Thuật ngữ "nguyên tắc" có nguồn gốc từ tiếng Latin: Principium (nguyên lý) và có nghĩa là tư tưởng đầu tiên, tư tưởng chỉ đạo trong khoa học, hiện tượng hoặc quá trình. Nguyên lý đó cũng được áp dụng để nghiên cứu pháp luật nói chung và các chế định của nó nói riêng. Để quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng và hợp lý đối với người phạm tội dù họ thực hiện một tội phạm hay thực hiện nhiều tội phạm, khi áp dụng các chế tài luật hình sự, tòa án phải tuân theo một số nguyên tắc nhất định. Các nguyên tắc đó được gọi là các nguyên tắc quyết định hình phạt. Đây là những tư tưởng chỉ đạo, kim chỉ nam cho hoạt động của tòa án khi chọn và quyết định loại và mức hình phạt đối với từng bị cáo trong từng vụ án cụ thể, là tiền đề, là điều kiện cho việc giáo dục và cải tạo người bị kết án được tốt, góp phần vào việc phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung. Các nguyên tắc quyết định hình phạt là một trong những nội dung quan trọng của chế định quyết định hình phạt, việc nghiên cứu làm sáng tỏ các nguyên tắc quyết định hình phạt tạo tiền đề thuận lợi để quyết định hình phạt đúng pháp luật. Nếu nhận thức không đúng các nguyên tắc quyết định hình phạt sẽ dẫn đến việc áp dụng không đúng các quy phạm pháp luật hình sự dẫn đến việc quyết định hình phạt sai. Trong luật hình sự Việt Nam, các nguyên tắc quyết định hình phạt không được ghi nhận chính thức trong Bộ luật hình sự mà được thể hiện thông qua nội dung các quy phạm pháp luật hình sự. Để có cơ sở đưa ra các nguyên tắc quyết định hình phạt, cần phải dựa vào những tiêu chuẩn nhất định. Những tiêu chuẩn đó là: Thứ nhất, phải là những tư tưởng chỉ đạo đầu tiên; thứ hai, phải được thể

hiện trực tiếp hoặc gián tiếp trong luật hình sự; thứ ba, phải là những tư tưởng chỉ đạo định hướng hoạt động của tòa án trong lĩnh vực quyết định hình phạt; thứ tư, những tư tưởng đó phải phù hợp với chính sách hình sự trong từng giai đoạn phát triển của Nhà nước. Căn cứ vào những tiêu chuẩn trên, việc quyết định hình phạt cần phải dựa vào những nguyên tắc sau đây: - Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa; - Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa; - Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt; - Nguyên tắc công bằng (công minh) [42, tr.409].

\* *Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa*: Tư tưởng cơ bản của nguyên tắc pháp chế XHCN thể hiện khi quyết định hình phạt là ở chỗ, khi áp dụng hình phạt đối với người bị kết án Tòa án phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của luật hình sự. Đây là một nguyên tắc cực kỳ quan trọng, vì có thể áp dụng các nguyên tắc khác của chế định quyết định hình phạt vào thực tiễn xét xử, chỉ khi tuân thủ nghiêm chỉnh nguyên tắc này. Nội dung của nguyên tắc này thể hiện: Thứ nhất, chỉ có thể áp dụng hình phạt đối với hành vi phạm tội được quy định cụ thể trong luật hình sự. Thứ hai, phải định tội danh đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Thứ ba, quyết định hình phạt là thẩm quyền của Tòa án. Thứ tư, nội dung của nguyên tắc pháp chế còn biểu hiện ở chỗ: khi quyết định hình phạt, Tòa án phải tuân theo trình tự và các điều kiện áp dụng các loại hình phạt cụ thể và chỉ có thể tuyên những hình phạt được quy định trong luật, tuân theo các mức chế tài của điều luật hoặc khoản của điều luật quy định tội mà bị cáo đã phạm; mức hình phạt mà tòa án lựa chọn phải nằm trong phạm vi quy định của chế tài tương ứng, nó có thể thấp hơn mức chế tài quy định nếu Tòa án có đủ căn cứ áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự nhưng không bao giờ được vượt quá mức cao nhất của chế tài quy định trong điều luật đó. Nguyên tắc pháp chế đòi hỏi khi tuyên một hình phạt phải có tính xác định, có căn cứ lập luận và bắt buộc có lý do. Tính xác định của hình phạt trong bản án buộc tội thể hiện ở chỗ hình phạt được quyết định đối với bị cáo

phải cụ thể về loại và mức hình phạt. Tính có căn cứ, lập luận và bắt buộc có lý do trong bản án. Những tình tiết đó phải là những tình tiết đã được thẩm vấn, được kiểm tra lại trong quá trình xét xử. Tính có căn cứ đòi hỏi phải chỉ rõ các lý do của việc quyết định hình phạt. Đòi hỏi khác của nguyên tắc pháp chế là tính hợp lý của việc quyết định hình phạt. Tính hợp lý thể hiện ở chỗ, trong số những phương án giải quyết khác nhau mà luật cho phép, Tòa án phải lựa chọn một loại và mức hình phạt, một mặt, phải đúng luật, mặt khác phù hợp với các nguyên tắc khác, phù hợp với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

*\*Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa:* Nguyên tắc này thể hiện khi quyết định hình phạt, Tòa án phải cân nhắc lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của người phạm tội trong một tổng thể thống nhất biện chứng, hài hòa và hợp lý. Nhân đạo XHCN đòi hỏi phải có thái độ đúng đắn cả đối với lợi ích của toàn xã hội và Nhà nước, lẫn đối với lợi ích của bị cáo. Nguyên tắc nhân đạo còn thể hiện khi quyết định hình phạt tùy theo các tình tiết của vụ án, mức phạt tù và nhân thân người phạm tội, Tòa án có thể cho bị cáo hưởng án treo; khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có thể quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật... Một nội dung khác của nguyên tắc này thể hiện ở chỗ, luật hình sự nước ta có những quy định quyết định hình phạt rất nghiêm khắc đối với những người phạm tội đặc biệt nguy hiểm, những người tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tổ chức, người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tính chất chuyên nghiệp... nhằm bảo vệ có hiệu quả quyền lợi của xã hội, của Nhà nước và mọi công dân khỏi sự xâm phạm của tội phạm. Khi quyết định hình phạt đối với những người này, nguyên tắc nhân đạo đòi hỏi phải chọn một biện pháp nghiêm khắc thích hợp, phải tuân theo một nguyên lý cơ bản là người bị kết án cũng là con người và mọi người lầm đường lạc lối có thể được

giáo dục, cải tạo để trở thành người lao động có ích cho xã hội.

\* *Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt*: Đây là nguyên tắc quan trọng khi quyết định hình phạt. Tư tưởng cơ bản của nguyên tắc này thể hiện khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự và ý thức pháp luật XHCN, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để quyết định đối với bị cáo và mức hình phạt cụ thể đảm bảo cho việc đạt được các mục đích của hình phạt. Phạm tội ở mức độ nào thì chịu hình phạt ở mức độ đó. Điều kiện để giảm hình phạt cho bị cáo này không đương nhiên áp dụng cho bị cáo khác nếu họ cùng phạm tội, và ngay đối với chính bản thân người phạm tội khi họ phạm hai tội khác nhau thì tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của tội này không đương nhiên áp dụng cho tội kia. Nếu những người phạm tội cùng bị xét xử trong một khung hình phạt thì cần căn cứ vào nhiều yếu tố như vai trò tham gia của từng bị cáo, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà tòa án có thể xác định những mức hình phạt khác nhau đối với từng bị cáo.

\* *Nguyên tắc công bằng*: Nguyên tắc công bằng xã hội của việc quyết định hình phạt thể hiện ở chỗ, loại và mức hình phạt do Tòa án tuyên phải tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện với các đặc điểm của nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, với dư luận xã hội và ý thức pháp luật. Nguyên tắc công bằng thể hiện ở hai mặt; công bằng giữa những người phạm tội với nhau và công bằng với chính người phạm tội; với mặt thứ nhất có nghĩa là với những điều kiện, căn cứ như nhau thì những người phạm tội phải chịu hình phạt như nhau; mặt thứ hai đòi hỏi loại và mức hình phạt được tuyên phải tương xứng với tội phạm, nghĩa là tội đã phạm càng nghiêm trọng

và trong những điều kiện khác giống nhau, thì hình phạt phải càng nghiêm khắc và ngược lại.

Các nguyên tắc quyết định hình phạt có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau và tác động qua lại lẫn nhau tạo thành một thể thống nhất. Tính thống nhất của các nguyên tắc quyết định hình phạt đảm bảo tính định hướng cho tòa án khi quyết định hình phạt. Khi quyết định hình phạt cần phải nhận thức được mối liên hệ biện chứng giữa các nguyên tắc để tránh đồng nhất chúng hoặc áp dụng một cách đơn lẻ. Việc quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng và hợp lý phụ thuộc rất lớn vào việc áp dụng đúng đắn các nguyên tắc quyết định hình phạt trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự. Tóm lại, các nguyên tắc quyết định hình phạt là các nguyên tắc đặc thù cho quá trình quyết định hình phạt, định hướng cho hoạt động của tòa án để quyết định hình phạt đúng đắn cho người phạm tội. Các nguyên tắc quyết định hình phạt tuy đặc thù cho quá trình quyết định hình phạt nhưng chúng vẫn nằm trong thể thống nhất với các nguyên tắc của luật hình sự. Cùng với các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự, các nguyên tắc quyết định hình phạt có ý nghĩa lớn không những trong việc quyết định hình phạt nói riêng mà còn có ý nghĩa trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

#### **1.4. Các căn cứ quyết định hình phạt trong đồng phạm**

Các căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do luật hình sự quy định hoặc do giải thích luật mà có, buộc Tòa án phải tuân theo khi quyết định hình phạt đối với người thực hiện tội phạm. Điều 45 Bộ luật hình sự quy định về căn cứ quyết định hình phạt như sau: "Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự". Như vậy, theo quy định của Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999 thì các căn cứ quyết

định hình phạt bao gồm: - Các quy định của Bộ luật hình sự; - Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; - Nhân thân người phạm tội ; - Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Để có thể áp dụng chính xác những căn cứ trên khi quyết định hình phạt, đòi hỏi phải nhận thức đúng nội dung, bản chất, ý nghĩa pháp lý của từng căn cứ, cũng như mối liên hệ giữa các căn cứ này với nhau. Các căn cứ trên vừa có tính độc lập tương đối, lại vừa có mối liên hệ tác động qua lại lẫn nhau, bổ sung cho nhau tạo thành một thể thống nhất, đó là cơ sở pháp lý mà Tòa án phải tuân thủ khi quyết định hình phạt.

*\* Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự:* Khi quyết định hình phạt, Tòa án trước hết phải căn cứ vào các quy định của BLHS, tức là căn cứ vào các quy định của phần chung và phần các tội phạm của BLHS.

Phần chung của BLHS có 77 điều luật mang tính nguyên tắc, áp dụng chung cho các tội phạm, khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào tất cả các quy định của Phần chung. không có nghĩa là trong mọi trường hợp Tòa án phải viện dẫn tất cả các quy định của phần chung vào trong vụ án cụ thể. Tòa án chỉ phản ánh trong bản án những quy định của Phần chung mà dựa vào đó để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện và nhân thân người phạm tội, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự có trong một vụ án cụ thể nhằm chọn loại và mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo. Phần các tội phạm là những tội phạm cụ thể được quy định trong những điều luật, khi quyết định hình phạt Tòa án phải căn cứ vào loại và khung hình phạt được quy định đối với tội danh mà bị cáo đã thực hiện để chọn một loại và mức hình phạt hợp lý, công bằng và nhân đạo nhất.

Như vậy, khi quyết định hình phạt, Tòa án cần phải căn cứ vào tất cả các quy định của BLHS ở dạng thống nhất, tổng thể của chúng và phải cân nhắc,



chỉ rõ trong bản án những quy định của BLHS có liên quan trực tiếp đến việc quyết định của một hình phạt cụ thể đối với một bị cáo cụ thể. Các quy định của BLHS là căn cứ cơ bản nhất của việc quyết định hình phạt, đó cũng là đòi hỏi quan trọng của nguyên tắc pháp chế XHCN khi quyết định hình phạt.

*\* Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:* Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thể hiện ở tổng thể của hai khái niệm “tính chất” và “mức độ” nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, được quyết định bởi ý nghĩa, tính chất, tầm quan trọng và giá trị của các quan hệ xã hội bị tội phạm đó xâm hại là khách thể bị xâm hại. Tính chất nguy hiểm cho xã hội là đặc tính về chất của tội phạm, là một trong những cơ sở để phân chia tội phạm thành các loại khác nhau trong phân các tội phạm của BLHS. Bên cạnh khách thể bị xâm hại, tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm còn phụ thuộc vào các dấu hiệu về mặt khách quan, về mặt chủ quan, và chủ thể là các dấu hiệu để thỏa mãn điều kiện cấu thành tội phạm. Mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cũng được xác định bởi tổng thể các dấu hiệu của cấu thành tội phạm và đó cũng là thuộc tính khách quan của tội phạm. Những tội phạm giống nhau về tính chất nguy hiểm cho xã hội có thể khác nhau về mức độ nguy hiểm cho xã hội. Nếu tính chất của tội phạm thể hiện ở dạng mức độ về chất, thì mức độ nguy hiểm của nó được thể hiện ở dạng mức độ về lượng nhất định của cùng một chất – tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Điều đó có nghĩa là khái niệm “tính chất” và “mức độ” nguy hiểm cho xã hội của tội phạm không tách rời nhau, chúng tồn tại cùng nhau, bổ sung cho nhau và xâm nhập vào nhau.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án phải chỉ ra trong bản án những tình tiết cụ thể chứng minh tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cụ thể mà Tòa án dựa vào đó và cùng với các tình tiết khác để chọn loại và mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo.

\* *Nhân thân người phạm tội*: Nhân thân đó là một khái niệm nhiều mặt, bao gồm những đặc điểm, đặc tính khác nhau thể hiện bản chất xã hội, thể hiện tính cá biệt và tính không lặp lại của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật hình sự coi là tội phạm. Những đặc điểm, đặc tính đó mang tính chất chính trị - xã hội, tâm lý, đạo đức, sinh lý. Khi quyết định hình phạt, Tòa án phải cân nhắc nhân thân người phạm tội, tức là cân nhắc những đặc điểm, đặc tính nói trên, làm cơ sở cho việc xác định và đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của người đó. Những đặc điểm, đặc tính hoặc là đã được chỉ rõ trong luật hoặc là ở dạng luật cho phép Tòa án cân nhắc trong trường hợp những đặc điểm, đặc tính ấy không được chỉ ra trong luật, nhưng chúng đều có ý nghĩa đối với việc quyết định hình phạt. Mỗi đặc điểm, đặc tính có ý nghĩa khác nhau đối với việc quyết định hình phạt và mức độ ảnh hưởng của mỗi đặc điểm, đặc tính ấy tùy thuộc vào việc nó được thể hiện cụ thể trong từng vụ án cụ thể. Những đặc điểm, đặc tính của nhân thân người phạm tội được Tòa án nghiên cứu, cân nhắc, đánh giá dưới hai khía cạnh: khía cạnh pháp luật hình sự và khía cạnh tội phạm học. Ở khía cạnh pháp luật hình sự là nhằm làm sáng tỏ những tình tiết có ý nghĩa trực tiếp đối với việc quyết định hình phạt. Đó là những tình tiết như: tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội nhiều lần, có án tích hay không có án tích, động cơ, mục đích của tội phạm, phạm tội vì người khác đe dọa, cưỡng bức hay chi phối về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác, người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, người phạm tội tự thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải hoặc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm... Nghĩa là xác định, đánh giá, cân nhắc những đặc điểm, đặc tính thuộc nhân thân người phạm tội nhằm làm giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định ở Điều 46 và Điều 48 của BLHS.

Ở khía cạnh tội phạm được tiến hành nhằm mục đích làm sáng tỏ nguyên nhân, các điều kiện phạm tội, các điều kiện hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống, cư xử, trình độ văn hóa, các mối quan hệ nói lên mặt tốt, mặt xấu của người phạm tội. Những đặc điểm, đặc tính đó là: sự cư xử trong cuộc sống, quan hệ với các thành viên trong gia đình, trong xã hội, với đồng chí trong công tác, trong lao động, tinh thần, thái độ chấp hành kỷ luật, uy tín trong tập thể, lối sống, đạo đức, tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc, thương binh, có người trong gia đình là liệt sĩ... Khi cân nhắc các đặc điểm, đặc tính đó, Tòa án phải ghi rõ trong bản án và nói rõ chúng có ảnh hưởng như thế nào đối với quyết định hình phạt.

*\* Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Cân nhắc các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là một trong những căn cứ của việc quyết định hình phạt, tức là một trong những điều kiện quan trọng của việc cá thể hóa hình phạt. Luật không quy định cụ thể các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự có ảnh hưởng đến mức nào đối với việc quyết định hình phạt. Ý nghĩa của từng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự tùy thuộc vào từng vụ án cụ thể, vào từng người phạm tội cụ thể. Bởi vậy, ở đây Tòa án có vai trò rất quan trọng trong việc đánh giá, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng có trong từng vụ án cụ thể.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc khi quyết định hình phạt là những tình tiết khác nhau về tội phạm đã thực hiện, về nhân thân người phạm tội được quy định cụ thể trong BLHS (Điều 46 của BLHS) và Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao ngày 04/08/2000).

Các tình tiết tăng nặng được cân nhắc khi quyết định hình phạt là những tình tiết khác nhau về tội phạm, về nhân thân người phạm tội được quy định cụ thể trong luật, có ý nghĩa làm tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt

đôi với người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định ở Điều 48 BLHS.

Khi quyết định hình phạt tòa án cần phải đánh giá toàn diện, đầy đủ trong một tổng thể thống nhất các tình tiết giảm nhẹ lẫn các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi đánh giá, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án phải ghi cụ thể trong bản án những tình tiết nào được coi là tình tiết giảm nhẹ, những tình tiết nào được cân nhắc với ý nghĩa tăng nặng. Việc chỉ ra một cách cụ thể các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trong bản án làm cho hình phạt được tuyên có sức thuyết phục, có căn cứ hơn đối với người bị kết án và những người khác, thể hiện tính công bằng, tạo điều kiện cho việc cải tạo, giáo dục người phạm tội, tạo điều kiện thuận lợi cho Tòa án cấp trên kiểm tra tính hợp lý và tính có căn cứ của bản án.

Thực tiễn xét xử còn cho thấy, ý thức pháp luật XHCN của Thẩm phán và Hội thẩm cũng có ý nghĩa quan trọng đối với việc quyết định hình phạt. Trong một vụ án, có nhiều tình tiết thu thập được rất đa dạng, phức tạp và mâu thuẫn với nhau có ảnh hưởng khác nhau đến việc quyết định hình phạt. Để có một phán xét và quyết định cụ thể về loại và mức hình phạt cần tuyên, các Thẩm phán và Hội thẩm phải dựa vào ý thức pháp luật của mình để đánh giá ý nghĩa của từng tình tiết ở dạng riêng lẻ và ở dạng tổng thể của chúng, xác định tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, nhân thân người phạm tội, các tình tiết chủ quan và khách quan và trong phạm vi chế tài tương ứng, chọn và quyết định một loại và mức hình phạt đúng pháp luật, công bằng, có khả năng lớn để cải tạo, giáo dục người phạm tội, cũng như phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung.

## **Kết luận Chương 1**

Trong chương 1, chúng tôi đã làm rõ được những vấn đề lý luận và pháp luật về quyết định hình phạt trong pháp luật hình sự nói chung và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm. Đối với nội dung thứ nhất, đã làm rõ được khái niệm quyết định hình phạt, các nguyên tắc và các căn cứ quyết định hình phạt. Nội dung thứ hai, đã làm rõ về khái niệm đồng phạm, trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm; và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm theo quy định BLHS năm 1999, và có sự so sánh với các quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm một số nước trên thế giới, và trong thời gian khác nhau ở Việt Nam từ thời phong kiến, BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999. Từ đó làm rõ hơn những vấn đề lý luận và pháp luật về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, để làm cơ sở cho những đánh giá đúng thực trạng tuân thủ các quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm trong thực tiễn xét xử tại tỉnh Gia Lai ở chương 2.

## CHƯƠNG 2

### QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH GIA LAI

#### **2.1. Quy định của Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm**

##### ***2.1.1. Quy định của Bộ luật hình sự về các nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm***

Đồng phạm là một hình thức thực hiện tội phạm đặc biệt mà trong đó hai người trở lên cùng thực hiện tội phạm. Do đó, khi tội phạm được thực hiện bởi đồng phạm thì tội phạm đó thay đổi về chất và mang tính nguy hiểm cao hơn tội phạm riêng lẻ. Khi phạm tội có nhiều người cùng tham gia thì người phạm tội có tâm lý dựa vào sức mạnh tập thể sẽ hành động liều lĩnh hơn, do đó có khả năng gây hậu quả lớn hơn và có điều kiện che giấu tội phạm, chống lại việc phát hiện điều tra của cơ quan pháp luật. Thực tiễn đấu tranh với các trường hợp đồng phạm cho thấy, phần lớn những trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng là hình thức phạm tội bởi hình thức phạm tội có đồng phạm. Do tính chất đặc thù đó, cho nên nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm không giống trường hợp phạm tội riêng lẻ. Vì vậy, quyết định hình phạt trong đồng phạm ngoài việc tuân thủ các quy định của quyết định hình phạt nói chung, tòa án còn phải tuân thủ các nguyên tắc đặc thù của quyết định hình phạt trong đồng phạm

*a. Nguyên tắc tất cả những người đồng phạm phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm đã thực hiện*

Cơ sở của nguyên tắc này xuất phát từ việc coi tội phạm thực hiện dưới

hình thức đồng phạm là một thể thống nhất không thể tách rời của tất cả hành vi của những người tham gia. Mỗi người đồng phạm đều có ý thức lựa chọn việc tham gia phạm tội cùng với những người đồng phạm khác (đều cùng cố ý thực hiện tội phạm) và đều thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của mỗi người đồng phạm đều góp phần gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Đồng phạm là trường hợp nhiều người cùng cố ý thực hiện một tội phạm. Hành động của những người tham gia thực hiện tội phạm là hành động liên hiệp. Hành vi của người này là tiền đề, điều kiện cho hành vi của những người đồng phạm khác và là khâu cần thiết cho hoạt động tội phạm chung. Hậu quả phạm tội là kết quả chung do hoạt động của tất cả những người tham gia đưa lại. Do vậy, khi quyết định hình phạt trong đồng phạm trong vụ đồng phạm phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm mà cả bọn đã gây ra. Nguyên tắc những người đồng phạm phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm đã thực hiện tuy không được quy định cụ thể tại một điều luật trong bộ luật nhưng được hiểu và áp dụng một cách thống nhất trong quá trình xét xử của tòa án. Nguyên tắc này được thể hiện là tất cả những người đồng phạm đều bị truy tố, xét xử về một tội danh mà họ đã cùng người thực hành, thực hiện và theo cùng một điều luật cũng như trong cùng phạm vi chế tài mà điều luật ấy đã quy định. Những quy định có tính nguyên tắc về hình phạt như nguyên tắc xử lý, mục đích hình phạt, nguyên tắc, căn cứ quyết định hình phạt...đều được áp dụng chung cho tất cả những người đồng phạm trong vụ án đồng phạm. Những người đồng phạm phải cùng chịu về các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng, nếu họ đều biết, tức là đối với những tình tiết này họ cùng bàn bạc với nhau hoặc mọi người đều nhận thức và biết rõ về những tình tiết đó, hoặc tuy không từng bàn bạc nhưng họ không buộc phải thấy trước và có thể thấy trước tình tiết đó.

*b. Nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện đồng phạm*

Cơ sở của nguyên tắc này xuất phát từ quan điểm coi trách nhiệm hình sự là trách nhiệm cá nhân. Trong vụ đồng phạm, mặc dù mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự chung về toàn bộ tội phạm mà họ cùng thực hiện với những người đồng phạm khác, song việc xác định trách nhiệm hình sự đối với mỗi người đồng phạm vẫn phải căn cứ vào hành vi cụ thể của từng người. Trong vụ án có đồng phạm, tuy có nhiều người cùng tham gia thực hiện một tội phạm và mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm chung về toàn bộ tội phạm mà họ cùng thực hiện, nhưng theo quy định của Bộ luật hình sự, trách nhiệm hình sự là trách nhiệm cá nhân. Vì vậy, việc quyết định hình phạt đối với mỗi người đồng phạm phải dựa trên cơ sở hành vi cụ thể của họ. Những người đồng phạm chỉ chịu trách nhiệm về những hành vi mà cả bọn cùng chung hành động và cùng chung ý định phạm tội chứ không phải chịu trách nhiệm về hành vi vượt quá của người thực hành hoặc của những người đồng phạm khác. Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến người đồng phạm nào thì chỉ áp dụng đối với riêng người đó mà không áp dụng chung cho tất cả những người đồng phạm khác như: tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt, phạm tội lần đầu, là người chưa thành niên, người già, phụ nữ có thai, người có công với cách mạng, phạm tội trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do tự mình gây ra... Việc miễn trách nhiệm hình sự; miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện... đối với người đồng phạm nào thì người đó được hưởng "các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc loại người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó". Việc miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt đối với người đồng phạm này không loại trừ trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm khác. Người tổ chức, người xúi giục,



người giúp sức, đã thực hiện các hành vi tổ chức, xúi giục, giúp sức nhưng chưa dẫn đến việc người thực hành thực hiện tội phạm thì họ vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự. Sự tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội của một trong những người đồng phạm không loại trừ trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm khác. Như vậy, nguyên tắc này được thể hiện ở những nội dung:

*Thứ nhất*, những người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người khác.

*Thứ hai*, những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng liên quan đến riêng người đồng phạm nào thì chỉ áp dụng đối với người đó.

*Thứ ba*, những tình tiết loại trừ trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt đối với người đồng phạm nào thì chỉ áp dụng đối với người đó.

*Thứ tư*, hành vi của người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức dù chưa dẫn đến việc thực hiện tội phạm của người thực hành vẫn có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.

#### *c. Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt của những người đồng phạm*

Trong vụ án hình sự có đồng phạm, tuy mỗi người cùng tham gia thực hiện một tội phạm nhưng tính chất và mức độ tham gia phạm tội tham gia phạm tội của từng người lại khác nhau. Do đó, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mỗi người đồng phạm cũng khác nhau nên theo quy định của pháp luật thì "khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của những người đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm". Tính chất tham gia phạm tội của những người đồng phạm được quyết định bởi vai trò mà người đồng phạm thực hiện, bởi tính đặc thù của chức năng, nhiệm vụ, tác dụng của người đó trong hoạt động phạm tội chung. Làm sáng tỏ tính chất tham gia vào việc cùng chung phạm tội, có nghĩa là phải xác định được người phạm tội đó là ai, họ là người thực hành, người tổ chức, người xúi giục hay

người giúp sức. Thông thường, người tổ chức, người xúi giục, người hoạt động đặc lực là những người có vai trò nguy hiểm cao hơn những người đồng phạm khác, do đó hình phạt áp dụng đối với họ cũng phải nghiêm khắc hơn. Việc đánh giá tính chất tham gia của từng người đồng phạm phải tùy thuộc vào loại tội phạm cụ thể đã được thực hiện, vào tính chất của đồng phạm, vào các tình tiết khách quan, chủ quan cụ thể có trong vụ án và đặc điểm nhân thân của từng người đồng phạm. Mức độ tham gia của từng người đồng phạm được xác định bởi tính chất của hành vi phạm tội và mức độ đóng góp thực tế của từng người đồng phạm vào việc thực hiện tội phạm cũng như việc gây hậu quả phạm tội chung. Khi xác định mức độ tham gia phạm tội của mỗi người đồng phạm thì cần phải xác định người đồng phạm đó hoạt động với vai trò gì, tích cực, quyết tâm đến đâu; có động cơ, mục đích như thế nào; đã dùng những công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn phạm tội nào... Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật mới chỉ quy định: "nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy...". Như vậy, mới chỉ xác định người tổ chức là người nguy hiểm hơn những loại người đồng phạm khác trong vụ án có đồng phạm, còn đối với người giúp sức, người xúi giục, người thực hành vẫn chưa có quy định nào thể hiện sự phân hóa rõ ràng trách nhiệm hình sự của những người này. Mặc dù, có quy định cá thể hóa trách nhiệm hình sự nhưng chỉ dừng lại ở mức độ quy định chung chung chưa cụ thể và triệt để đối với người giúp sức, người xúi giục và người thực hành trong vụ án có đồng phạm. Chính vì vậy, đã có không ít các bản án của tòa án các cấp ở phần phân tích, nhận định tính chất của đồng phạm, vai trò hành vi tham gia thực hiện tội phạm của những người đồng phạm còn có những sai sót, đơn giản, sơ sài, chưa phản ánh đầy đủ bản chất hành vi của mỗi người đồng phạm. Để quyết định mức hình phạt mức hình phạt trong vụ án hình sự có đồng phạm được chính xác, cần thiết phải hoàn thiện chế định đồng phạm trong Bộ luật hình sự theo hướng phân

hóa rõ trong luật mức độ trách nhiệm hình sự của người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức, người thực hành. Cá thể hóa hình phạt giữa những người đồng phạm là thể hiện cụ thể của nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự, mặt khác đảm bảo cho nguyên tắc pháp chế được thực hiện, tránh tự do, tùy tiện trong áp dụng pháp luật. Vì vậy, việc cá thể hóa hình phạt càng được thực hiện cụ thể càng tốt. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đã có trường hợp các cơ quan áp dụng pháp luật đã đánh giá không đúng tính chất và mức độ tham gia phạm tội của những người đồng phạm, dẫn đến sai lầm trong việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với những người đồng phạm.

Lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nước ta thừa nhận, trong vụ đồng phạm nếu người thực hành vì những lý do nào đó mà không thực hiện được tội phạm đến cùng, ví dụ do bị bắt giữ, bị ốm, chết hoặc do tự ý nửa chừng chấm dứt việc thực hiện tội phạm... thì những người đồng phạm khác có thể phải chịu trách nhiệm hình sự ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội nếu người thực hành chưa bắt tay vào việc thực hiện tội phạm; phải chịu trách nhiệm hình sự ở giai đoạn phạm tội chưa đạt nếu người thực hành đã bắt tay vào việc thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được tội phạm đến cùng (tội phạm chưa hoàn thành).

### ***2.1.2. Các căn cứ quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm***

Khi quyết định hình phạt đối với những người tham gia đồng phạm cụ thể, Tòa án phải dựa vào các căn cứ cụ thể sau đây: Thứ nhất, tính chất của đồng phạm; Thứ hai, tính chất tham gia phạm tội của từng người đồng phạm; Thứ ba, mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm; Thứ tư, những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng của riêng từng người đồng phạm.

*a. Căn cứ thứ nhất: khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải cân nhắc tính chất của đồng phạm.*

Tính chất của đồng phạm là căn cứ đầu tiên mà tòa án phải dựa vào khi

quyết định hình phạt. Tính chất của đồng phạm được xác định bởi tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm có nhiều người tham gia dưới hình thức đồng phạm. Khi tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm thì làm cho tội phạm đó thay đổi về tính chất và mang tính nguy hiểm cao hơn. Bởi vì, khi tội phạm được thực hiện dưới hình thức đơn lẻ, người phạm tội có thể có tâm lý dao động, lo lắng, dễ thay đổi ý định... nhưng khi phạm tội được thực hiện dưới hình thức đồng phạm, người phạm tội thường có tâm lý tin tưởng vào sự phối hợp hành động của cả nhóm phạm tội nên quyết tâm phạm tội cao hơn, liều lĩnh hơn. Vì vậy, hoạt động phạm tội dưới hình thức đồng phạm thường mang lại hậu quả lớn hơn so với những trường hợp phạm tội đơn lẻ. Sự phối hợp hành động, phân công vai trò giữa những người đồng phạm làm cho hậu quả của tội phạm ngày càng nghiêm trọng và việc điều tra, phát hiện, xử lý tội phạm ngày càng khó khăn phức tạp hơn. Như vậy, tính nguy hiểm cao cho xã hội của tội phạm được thực hiện dưới hình thức đồng phạm quyết định mức độ trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm. Tính nguy hiểm cho xã hội của đồng phạm còn được quyết định bởi hình thức của đồng phạm. Hình thức của đồng phạm có ảnh hưởng nhất định đến mức độ trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm, nghĩa là hình thức đồng phạm càng nguy hiểm thì hành vi của mỗi người đồng phạm cũng nguy hiểm theo. Trong những hình thức đồng phạm như đồng phạm đơn giản, đồng phạm phức tạp, đồng phạm có thông mưu trước... thì đồng phạm có tổ chức là hình thức đồng phạm mang tính nguy hiểm nhất. Việc xem xét, cân nhắc tính chất đồng phạm là căn cứ chung, căn cứ đầu tiên mà tòa án phải dựa vào căn cứ này đầu tiên là bởi vì trong đồng phạm, tất cả những người tham gia đồng phạm đều cố ý thực hiện tội phạm đó. Tội phạm và hậu quả của tội phạm là kết quả chung của tất cả những người tham gia đồng phạm. Tuy nhiên, căn cứ này mới chỉ là căn cứ có tính chất đánh giá, xác định chung cho tất cả những người tham gia

đồng phạm, còn muốn xác định mức độ cụ thể cho từng người đồng phạm phải dựa vào căn cứ tiếp theo.

*b. Căn cứ thứ hai: Khi Tòa án quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm phải căn cứ vào tính chất tham gia hành động phạm tội của từng người đồng phạm.*

Trong một vụ đồng phạm, những người tham gia tuy phạm cùng một tội, nhưng tính chất và mức độ tham gia của mỗi người có khác nhau, do vậy tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi của mỗi người cũng khác nhau. Nếu chỉ dựa vào căn cứ thứ nhất để quyết định hình phạt thì tòa án mới chỉ xác định được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội chung trong hành vi phạm tội của tất cả những người tham gia đồng phạm. Nhưng trong luật hình sự Việt Nam quy định trách nhiệm hình sự là trách nhiệm cá nhân cho nên khi xác định trách nhiệm hình sự cụ thể để quyết định hình phạt cho từng người đồng phạm vẫn phải dựa trên cơ sở hành vi cá nhân mỗi người đồng phạm.

*c. Căn cứ thứ ba: tòa án quyết định hình phạt là phải cân nhắc tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.*

Tính chất tham gia phạm tội ở từng người đồng phạm được quyết định bởi vai trò mà người đồng phạm đảm nhận, được xác định bởi tính chất đặc thù của nhiệm vụ và tác dụng của người đó trong hoạt động phạm tội chung. Xác định tính chất tham gia phạm tội của từng người đồng phạm là phải xác định rõ người đó tham gia đồng phạm là loại người gì, là người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức hay người thực hành? ai là chủ mưu, cầm đầu? trong một vụ đồng phạm, thường thường mỗi người tham gia với vai trò khác nhau, nhưng cũng có trường hợp một người tham gia với nhiều vai trò trong đồng phạm. Ví dụ: Một người vừa có vai trò là người tổ chức, vừa có vai trò là người thực hành... nếu một người tham gia với nhiều vai trò thì rõ ràng hành vi phạm tội của người đó có tính chất nguy hiểm cho xã hội cao hơn những

trường hợp đồng phạm khác tham gia với một vai trò. Trong vụ đồng phạm, thông thường người tổ chức, người xúi giục, người thực hành đắc lực được coi là những người có vai trò nguy hiểm cao hơn những người đồng phạm khác.

*d. Căn cứ thứ tư: Khi quyết định hình phạt đối với từng người đồng phạm, tòa án phải cân nhắc những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự của từng người đó.*

Căn cứ này biểu hiện sự cụ thể hóa của nguyên tắc cá thể hóa hình phạt đối với những người đồng phạm. Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi người tham gia đồng phạm là những tình tiết chỉ liên quan đến hành vi và nhân thân của người đó mà không liên quan đến những người đồng phạm khác thì chỉ áp dụng đối với người đó còn những người đồng phạm khác không phải chịu (đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự) hoặc không được hưởng (đối với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự) trong việc quyết định hình phạt đối với trường hợp đồng phạm. Những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng riêng cho từng người đồng phạm chủ yếu là các tình tiết vừa có liên quan đến hành vi phạm tội chung vừa có liên quan đến cá nhân người phạm tội nhưng chủ yếu liên quan đến cá nhân người phạm tội nhiều hơn. Đối với tình tiết giảm nhẹ của riêng người đồng phạm thuộc loại này phải kể đến là: người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt các tác hại của tội phạm hoặc tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại; phạm tội do bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức hoặc chi phối về mặt vật chất hoặc công tác hay các mặt khác; người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc người có bệnh bị hạn chế về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình; phạm tội do trình độ lạc hậu, hoặc do

trình độ nghiệp vụ non kém... Đối với những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của riêng người đồng phạm phải kể đến phạm tội đang trong thời gian chấp hành hình phạt; phạm tội vì động cơ đê hèn; cố tình thực hiện tội phạm đến cùng; phạm tội nhiều lần; tái phạm, tái phạm nguy hiểm... Đối với những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của chung những người đồng phạm thì áp dụng chung cho tất cả những người tham gia đồng phạm. Đối với những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc loại này là những tình tiết mang tính khách quan mà tất cả những người đồng phạm phải biết và đều biết khi cùng thực hiện tội phạm chung như các tình tiết: lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội; dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác trong khi phạm tội hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người, phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng... Đối với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc loại này là những tình tiết có liên quan đến hành vi phạm tội chung của những người đồng phạm khác thì tình tiết giảm đó cũng được áp dụng đối với họ. Ví dụ: Phạm tội chưa gây hậu quả hoặc gây hậu quả không lớn.

## **2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Qua công tác xét xử của Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) tỉnh Gia Lai cho thấy tình hình tội phạm vẫn có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, thủ đoạn phạm tội tinh vi, xảo quyệt, nguy hiểm; những người chủ mưu khống chế đồng phạm, ràng buộc nhau chặt chẽ.

Dưới đây là số liệu thống kê tổng kết công tác xét xử các loại vụ án hình sự qua các năm 2010 đến năm 2015 và số liệu khảo sát từ 566 bản án mà tác giả đã nghiên cứu trong đó có vụ án đồng phạm.

**Bảng 2.1. Bảng thống kê số vụ và số bị cáo phạm tội nói chung so sánh với số vụ và số bị cáo phạm tội bằng đồng phạm nói riêng (từ năm 2010 đến năm 2015)**

**SỐ LIỆU XÉT XỬ ÁN HÌNH SỰ TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015**

*(Từ ngày 01/10/2010 đến 30/09/2015)*

Năm	Tội phạm nói chung		Tội phạm được thực hiện bằng đồng phạm		Tỷ lệ	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
<b>2010</b>	84	198	20	41	24%	21%
<b>2011</b>	93	206	12	39	13%	19%
<b>2012</b>	94	215	25	52	27%	24%
<b>2013</b>	93	238	24	85	26%	36%
<b>2014</b>	102	208	21	73	21%	35%
<b>2015</b>	100	330	37	120	37%	36%
<b>Tổng</b>	566	1395	139	410	24,55%	30,01%

*(Số liệu từ nguồn Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Thống kê số vụ án và số bị cáo thực hiện tội phạm bằng đồng phạm đã được xét xử sơ thẩm, từ năm 2010 đến năm 2015 TAND tỉnh Gia Lai đã xét xử sơ thẩm 566 vụ án với 1395 bị cáo phạm tội nói chung, trong đó số vụ án được thực hiện bằng đồng phạm là 139 vụ với 410 bị cáo.

Bảng số liệu cho thấy số vụ án được thực hiện bằng đồng phạm có chiều hướng gia tăng cả về số vụ án và số người tham gia trong một vụ đồng phạm so với số vụ án và số người tham gia phạm tội nói chung.

Các vụ án đồng phạm có số bị cáo nhiều nên tỷ lệ về số vụ đồng phạm chỉ chiếm 24,55% so với tổng số vụ án phạm tội nói chung và số bị cáo phạm tội thực hiện bằng hình thức đồng phạm chiếm 30,01% trong tổng số bị cáo phạm tội nói chung. Về số người bình quân trong một vụ án đồng phạm cũng tăng đều theo từng năm.



**Bảng 2.2. Bảng thống kê số vụ án và số bị cáo thực hiện tội phạm bằng đồng phạm từ năm 2010 đến năm 2015**

**KẾT QUẢ XÉT XỬ SƠ THẨM CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**(Những vụ án có yếu tố đồng phạm)**

**(Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 30/09/2015)**

Năm	Vụ	Bị cáo	Hình phạt được áp dụng (bị cáo)									Nhóm tội					Tái phạm	Giới tính		Độ tuổi			
			Không có tội	Miễn HP	Án treo	Từ 3 năm trở xuống	Từ trên 3 năm đến 7 năm	Từ trên 7 năm đến 15 năm	Từ 15 năm trở lên	Chung thân	Tử hình	Chương 12 Đ 93-122	Chương 14 Đ 133-145	Ma túy	Chương 19 Đ 202-256	Chức vụ		Nam	nữ	< 18t	18->30t	30->50t	> 50t
<b>2010</b>	20	41	0	0	02	09	09	17	04	0	0	17	19	02	02	01	02	37	04	0	26	14	01
<b>2011</b>	12	39	0	0	01	07	05	17	06	03	0	23	08	08	0	0	0	36	03	01	28	10	0
<b>2012</b>	25	52	0	0	04	13	12	16	04	03	0	24	23	05	0	0	0	50	02	11	30	11	0
<b>2013</b>	24	85	01	0	09	14	20	18	18	03	02	31	40	10	04	0	02	79	06	16	52	15	02
<b>2014</b>	21	73	0	0	09	16	13	19	13	03	01	29	28	09	07	0	05	64	09	10	44	18	01
<b>2015</b>	37	120	0	0	12	10	18	48	27	02	01	32	49	05	33	01	02	113	07	09	100	10	01
<b>Tổng</b>	139	410	01	0	37	69	77	135	72	14	04	156	167	39	46	02	11	379	31	47	280	78	05

*( Số liệu từ nguồn Văn phòng tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Qua số liệu thống kê và qua nghiên cứu 139 vụ án tội phạm thực hiện bằng đồng phạm do TAND tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm từ năm 2010 đến năm 2015 cho thấy:

+ Về áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt: Trong 410 bị cáo bị xét xử thì có 1 bị cáo được tòa án tuyên không có tội; số bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo là 37 bị cáo, chiếm tỷ lệ 9,04% trên tổng số bị cáo; số bị cáo bị xử phạt với mức án 3 tù trở xuống là 69 bị cáo, chiếm tỷ lệ 16,82%; từ trên 3 năm đến 7 năm tù là 77 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 18,78%; từ trên 7 năm tù đến 15 năm là 135 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 32,92%; từ 15 năm tù trở lên có 72 bị cáo, chiếm tỷ lệ 17,56%; tù chung thân là 14 bị cáo, chiếm tỷ lệ 3,41% và tử hình là 4 bị cáo chiếm tỷ lệ chưa tới 1% trên tổng số bị cáo. Tổng hợp số bị cáo có mức hình phạt tù thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng cho thấy chiếm tỷ lệ là 54,87% trên tổng số bị cáo điều này nói lên tội phạm thực hiện bằng đồng phạm có tính nguy hiểm cao cho xã hội nên chịu mức hình phạt cao trong các tội phạm được quy định trong BLHS.

+ Về các nhóm tội như sau: Nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người là 41 vụ và 156 bị cáo. Nhóm các tội xâm phạm sở hữu là 61 vụ và 167 bị cáo. Nhóm các tội phạm về ma túy là 18 vụ và 39 bị cáo. Nhóm các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng là 17 vụ và 46 bị cáo. Nhóm các tội phạm về chức vụ là 2 vụ và 2 bị cáo.

Qua đây cho thấy nhóm tội thực hiện bằng đồng phạm chủ yếu là ở nhóm xâm phạm sở hữu, chiếm tỷ lệ là 43,88%; sau đó là nhóm tội xâm phạm đến tính mạng sức khỏe, danh dự nhân phẩm của con người chiếm tỷ lệ 29,49%; nhóm các tội phạm về ma túy chiếm tỷ lệ là 12,94%, nhóm tội phạm về an toàn công cộng, trật tự công cộng chiếm tỷ lệ là 12,23%, còn lại là các nhóm tội khác.

+ Về tính chất của đồng phạm:

Trong 139 vụ án có đồng phạm nêu trên thì đa số các vụ án được thực hiện bằng hình thức đồng phạm giản đơn 91 vụ/139 vụ (chiếm tỷ lệ 65,46%); đồng phạm phức tạp là 31 vụ/139 vụ (chiếm tỷ lệ 22,3%); phạm tội có tổ chức là 17 vụ/139 vụ (chiếm tỷ lệ 12,23%). Trong số 139 vụ án đồng phạm xác định được khoảng 73 vụ không có thông mưu trước chiếm tỷ lệ 52,51%. Số vụ đồng phạm không có thông mưu trước chủ yếu trong các loại tội giết người, cố ý gây thương tích, cướp tài sản... Có 66 vụ án đồng phạm có thông mưu trước chiếm tỷ lệ 47,48 %. Về động cơ mục đích thực hiện tội phạm: Qua phân tích các vụ án được thực hiện bằng đồng phạm đều do động cơ vụ lợi với 68/139 vụ (chiếm tỷ lệ 48,92%); tiếp theo là động cơ tư thù cá nhân, mâu thuẫn trong sinh hoạt 50/139 vụ (chiếm tỷ lệ 35,97%).

+ Về nhân thân người phạm tội:

Số bị cáo phạm tội là người có chức vụ là 2 người (chiếm tỷ lệ 0,48%) trên số vụ là 2 vụ đây là tỷ lệ thấp, điều này cho thấy người có chức vụ chấp hành các quy định của pháp luật tốt và ít vi phạm pháp luật.

Trong số 410 bị cáo xét xử, số bị cáo tái phạm, tái phạm nguy hiểm là 11 bị cáo (chiếm tỷ lệ 2,68%)

Trong 410 bị cáo phạm tội có đồng phạm tỷ lệ nam giới phạm tội chiếm đa số với 379 bị cáo (chiếm tỷ lệ 92,43 %) và 31 bị cáo nữ (chiếm tỷ lệ 7,56 %).

Nghiên cứu độ tuổi của đối tượng phạm tội cho thấy: người phạm tội trong trường hợp đồng phạm là người chưa thành niên (< 18 tuổi) là 47 người (chiếm tỷ lệ 11,46%). Người có độ tuổi từ 18 đến 30 là 280 bị cáo, chiếm tỷ lệ cao nhất với 68,29. Số người ở độ tuổi trên 30 đến 50 tuổi là 78 bị cáo, chiếm tỷ lệ 19,02%

Nghiên cứu đặc điểm nghề nghiệp của người phạm tội trong vụ án có đồng phạm cho thấy: Với 410 bị cáo trong 139 vụ án có đồng phạm đã xét xử,

thành phần phạm tội rất khác nhau từ cán bộ công chức Nhà nước đến người lao động tự do, người không có nghề nghiệp đến học sinh, sinh viên. Song phần lớn số đối tượng này là người thích ăn chơi, không chịu lao động, tụ tập lêu lổng, là người có tư tưởng ích kỷ, hẹp hòi, tham lam, có lối sống lệch lạc, coi thường các giá trị chuẩn mực đạo đức xã hội. Cụ thể: số bị cáo không có nghề nghiệp là 173 người; số bị cáo làm nông nghiệp là 64 người; số bị cáo đang là học sinh, sinh viên là 33 người; số bị cáo còn lại làm các nghề tự do.

Qua phân tích trên cho thấy công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật và nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân còn hạn chế, chưa thật sự tác động làm giảm tội phạm nói chung và tội phạm trong trường hợp đồng phạm nói riêng. Tỷ lệ người phạm tội là nam giới chiếm tỉ lệ cao trên tổng số bị cáo; từ đó cho thấy phụ nữ thường tuân thủ các quy chuẩn đạo đức cũng như chấp hành pháp luật tốt hơn so với nam giới. Người phạm tội trong trường hợp đồng phạm là người chưa thành niên có xu hướng tăng, đây là điều đáng lo ngại vì đây là lứa tuổi cần được gia đình và xã hội quan tâm, họ là nguồn lực tương lai của đất nước.

Đánh giá về chất lượng xét xử các bản án sơ thẩm đối với các vụ án đồng phạm, qua thống kê số liệu của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thì số vụ án và số bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm sau khi bị xét xử sơ thẩm bị kháng nghị, kháng cáo và kết quả xét xử phúc thẩm của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng thể hiện ở bảng số liệu như sau:

**Bảng 2.3. Bảng thống kê số bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm sau khi xét xử sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị và kết quả xét xử phúc thẩm từ năm 2010 đến năm 2015**

**THỐNG KÊ SỐ BỊ CÁO PHẠM TỘI ĐỒNG PHẠM CÓ KHÁNG CÁO KHÁNG NGHỊ**

**(Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 30/9/2015)**

Năm	Xét xử sơ thẩm		Kháng cáo Kháng nghị		Quyết định của cấp phúc thẩm (bị cáo)					
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Y án	Tăng HP	Giảm HP	Chuyển treo	Đình chỉ	Hủy án
<b>2010</b>	20	41	10	20	11	02	05	01	01	0
<b>2011</b>	12	39	08	17	15	0	02	0	0	0
<b>2012</b>	25	52	11	22	18	0	04	0	0	0
<b>2013</b>	24	85	13	45	37	01	05	02	0	0
<b>2014</b>	21	73	14	53	33	0	08	01	11	02
<b>2015</b>	37	120	17	62	06	Các bị cáo còn lại chưa có KQXX				
<b>Tổng</b>	139	410	72	219	120					

*(Số liệu từ Nguồn Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Theo bảng số liệu trên cho thấy so với số vụ án có đồng phạm đã xét xử sơ thẩm thì số vụ án bị kháng cáo, kháng nghị chiếm tỷ lệ thấp, trong số 139 vụ - 410 bị cáo có 72 vụ - 219 bị cáo có kháng cáo, kháng nghị; kết quả xét xử phúc thẩm y án 120 bị cáo, tăng hình phạt 03 bị cáo, giảm hình phạt 24 bị cáo, chuyển từ giam sang treo 04 bị cáo, đình chỉ xét xử phúc thẩm 12 bị cáo, hủy 02 vụ 06 bị cáo, còn lại chưa có kết quả xét xử phúc thẩm từ đó chứng tỏ quyết định hình phạt (mức án) mà tòa án sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với tính chất và mức độ phạm tội của hành vi từng bị cáo; do vậy các bị cáo đã đồng ý chấp nhận mức án đã tuyên ở phiên tòa sơ thẩm không kháng cáo đề nghị xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với các bị cáo có kháng cáo, kháng nghị theo kết quả xét xử phúc thẩm cho thấy tỷ lệ cấp phúc thẩm quyết định giữ nguyên mức hình phạt mà tòa án sơ thẩm đã tuyên chiếm tỷ lệ cao, số các bị cáo còn lại được cấp phúc thẩm sửa án theo hướng giảm nhẹ hình phạt tù hoặc chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo; tăng hình phạt chỉ có 03 trên 219 bị cáo có kháng cáo, kháng nghị là tỷ lệ thấp cho thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ phạm tội của từng bị cáo tham gia thực hiện tội phạm trong vụ án đồng phạm.

*Những kết quả đạt được và những hạn chế từ thực trạng quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai từ năm 2010 đến năm 2015*

Qua đọc và nghiên cứu 139 bản án xét xử các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm thì thấy: về cơ bản Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các căn cứ quyết định hình phạt chung cũng như căn cứ quyết định hình phạt riêng đối với trường hợp đồng phạm. Hầu hết các bản án đã đánh giá tính chất của đồng phạm, đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án đồng phạm cũng như cân

nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để quyết định một hình phạt công bằng, hợp lý và phù hợp pháp luật.

Ví dụ: Bản án số 46/2014/HSST ngày 21/8/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai có nội dung vụ án như sau: Vào khoảng 19 giờ ngày 02/3/2014; Trần Ngọc Sang, Ngân Văn Hoàng và Nguyễn Cao Phong cùng nhau uống rượu tại phòng trọ của bạn gái Nguyễn Thị Thúy Kiều, Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Nguyễn Thị Hiền Phương, Trương Thị Lê Vi đang thuê tại tổ 7, phường An Tân, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Kiều, Trinh, Phương và Vi đi ngủ còn Sang, Hoàng và Phong tiếp tục uống rượu. Trong lúc uống rượu, Sang nói: *“tí nữa uống rượu xong đi tìm thằng Lê Tuấn Anh (Chì) đánh vì hôm trước nó đánh tao và thằng Luân”* nghe vậy, Hoàng và Phong đồng ý. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 03/3/2014, cả ba người uống hết rượu, Sang bảo: *“bây giờ đi tìm thằng Lê Tuấn Anh đánh”*. Do đi xuống khu vực của Lê Tuấn Anh sợ bị đánh nên Hoàng đã đi đến nhà của ông Trần Đình Đen ở tổ 8, phường An Phú, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai lấy 02 cây sắt hộp màu xanh có kích thước 2x2cm, dài 1,50m. Sau đó Hoàng đi về nhà lấy một biển số xe máy mang số 60S còn các số sau không xác định, đem đến thay vào xe mô tô biển số 77M6 – 8692 Hoàng đang sử dụng để tránh bị phát hiện và Hoàng lấy một con dao Thái Lan cất vào trong túi áo khoác. Chuẩn bị hung khí và thay biển số xe xong, Ngân Văn Hoàng đưa cho Sang một cây sắt thì Sang nói *“tao lái xe, không cầm được, mày đưa cho Phong cầm”*. Sang điều khiển xe chở Phong ngồi giữa, Hoàng ngồi sau cầm theo hung khí đi xuống khu vực ngã 5 thuộc tổ 2, phường An Tân, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai tìm Lê Tuấn Anh nhưng không thấy, thì Sang điều khiển xe ra khu vực ngã ba Đồng Găng để về. Khi ra đến quốc lộ 19 chạy về hướng thành phố Pleiku thì thấy phía trước có một xe mô tô biển số 81K4 – 6343 do anh Trần Ngọc Thọ điều khiển, chở sau anh Võ Thanh Xinh đang chạy phía trước cách

khoảng 30 m thì Hoàng hô “*nó kia, nó kia*”, Trần Ngọc Sang điều khiển xe đuổi theo và ép làm cho xe của anh Thọ bị ngã trên vỉa hè bên phải hướng về thành phố Pleiku. Bị ép làm ngã xe, anh Thọ đứng dậy chạy về hướng thành phố Pleiku còn anh Xinh chạy về hướng tỉnh Bình Định. Thấy vậy Ngân Văn Hoàng và Nguyễn Cao Phong liền cầm cây sắt đuổi theo anh Thọ, Hoàng chạy trước, Phong chạy theo sau. Phong đuổi theo khoảng 50m thì không đuổi kịp nên cầm cây sắt quay lại, lúc này Phong thấy Sang đang điều khiển xe đuổi theo anh Xinh và tông thẳng xe mô tô vào người anh Xinh, Phong chạy theo đến chỗ anh Xinh đang đứng vung cây sắt lên định đánh anh Xinh, thì anh Xinh nói “*coi chừng đánh nhầm người*”, nghe Xinh nói, Phong nhận ra anh Xinh là người quen nên dừng lại không đánh và nói với Sang “*người này tao quen*” nên Sang xin lỗi anh Xinh và cả ba đứng lại. Lúc này Ngân Văn Hoàng cầm cây sắt đuổi theo anh Thọ về hướng thành phố Pleiku được khoảng 150m thì đuổi kịp. Hoàng vung cây sắt đánh ngang một cái trúng vào vùng chằm phải phía sau đầu anh Thọ làm anh Thọ ngã sấp xuống đường. Hoàng đánh liên tiếp thì bị anh Thọ dung chân phải đạp, đỡ thì Hoàng đánh tiếp hai cái trúng vào cẳng chân phải làm anh Thọ nằm gục xuống đường, hai tay ôm đầu. Lúc này Hoàng tiếp tục dung cây đánh tiếp ba cái nữa, một cái trúng vào cổ tay phải, hai cái vào vùng chằm ở đầu, rồi Hoàng lấy con dao Thái Lan giấu trong túi áo khoác đâm một nhát trúng vào đầu và một nhát trúng vào cẳng tay phải anh Thọ. Thấy anh Thọ nằm im bất tỉnh thì Hoàng cầm cây đi đến chỗ Phong và Sang thì biết là đánh nhầm người. Nên Hoàng, Phong và Sang cùng với anh Xinh đi đến chỗ anh Thọ bị đánh và đưa Thọ đi cấp cứu tại Bệnh viện thị xã An Khê, Sau đó, Thọ được gia đình chuyển đến bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định tiếp tục cấp cứu đến 22 giờ cùng ngày 03/3/2014 thì anh Thọ chết do vết thương quá nặng. Với nội dung vụ án như trên, bản án số 46/2014/HSST ngày 21.8.2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia



Lai đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Ngân Văn Hoàng, Trần Ngọc Sang, Nguyễn Cao Phong phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS đối với các bị cáo Ngân Văn Hoàng và Trần Ngọc Sang; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 đối với bị cáo Trần Ngọc Sang; Áp dụng các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Cao Phong, xử phạt bị cáo Ngân Văn Hoàng tù chung thân; xử phạt bị cáo Trần Ngọc Sang 18 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Phong 13 năm tù.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bản án chưa nghiên cứu đầy đủ về tính chất đồng phạm, chưa tuân thủ triệt để các căn cứ quyết định hình phạt chung quy định tại Điều 45 BLHS 1999 cũng như các căn cứ đặc thù quy định tại Điều 20 và Điều 53 BLHS về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, dẫn đến xác định vai trò người tham gia trong đồng phạm không đúng, còn bỏ lọt tội phạm đã tham gia trong đồng phạm, không cân nhắc tính chất của đồng phạm, không xem xét hoặc xem xét không đầy đủ còn chung chung về tính chất và mức độ của từng bị cáo tham gia trong đồng phạm; áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ không đúng hoặc thiếu; từ đó làm cho việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm thiếu chính xác, không đảm bảo các nguyên tắc trong quyết định hình phạt nên quyết định hình phạt không đúng pháp luật, có trường hợp bản án bị hủy do xác định đồng phạm không đúng làm cho thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài...v.v. Cụ thể như sau:

\* Xác định những người tham gia trong trường hợp phạm tội bằng đồng phạm không đúng, từ đó quyết định hình phạt nhẹ hơn nhiều so với tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo trong đồng phạm.

Ví dụ: Vụ án “Cố ý gây thương tích” tại Gia Lai. Nội dung vụ án như sau: Do có mâu thuẫn trước đó với nhóm thanh niên ở phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nên vào khoảng 23 giờ ngày 17 tháng 03 năm

2013, Phạm Ngọc Văn rủ Trương Hoàng Mỹ, Nguyễn Thế Vũ, Đào Ngọc Thuận, Đào Duy Bình và Trần Nguyễn Anh Tài (Tên gọi khác: Tài lộ - Sinh năm: 1987, trú tại: Tổ 6, phường Yên Đổ, thành phố Pleiku) đi tìm để đánh trả thù. Nghe Văn rủ, tất cả đồng ý nên Văn về nhà ở số 20 đường Thi Sách, Tổ 4, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku lấy 01 cây đao tự tạo dài khoảng 1,2 mét, 01 cây đao tự tạo dài khoảng 80cm, 01 cây mác dài khoảng 60 và 01 cây kiếm tự tạo dài khoảng 60cm có đầu nhọn bỏ lên xe ô tô hiệu Fortuner màu đen loại 7 chỗ ngồi (Hiện không xác định biển số) do Đào Duy Bình điều khiển. Sau đó, Đào Duy Bình điều khiển xe chở Phạm Ngọc Văn, Trần Nguyễn Anh Tài, Trương Hoàng Mỹ, Đào Ngọc Thuận và Nguyễn Thế Vũ đi dạo tìm đám thanh niên ở phường Thống Nhất, thành phố Pleiku để đánh nhưng không thấy nên quay về lại bến xe chợ Nhỏ, thành phố Pleiku để uống cà phê. Đến khoảng 01 giờ ngày 18 tháng 3 năm 2013, Phạm Ngọc Văn nói cả nhóm tiếp tục đi tìm đám thanh niên ở phường Thống Nhất, thành phố Pleiku để đánh. Lúc này, Văn điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter mang biển số 47T1-023.74 mượn của Phan Minh Đức (Sinh năm: 1989, trú tại: Tổ 8, phường Ia Kring, thành phố Pleiku) chở Tài đi trước, còn Bình điều khiển xe ô tô Fortuner màu đen loại 7 chỗ ngồi chở Mỹ, Vũ và Thuận đi sau, theo đường Trần Phú, hướng từ siêu thị Tam Ba đến đường Đinh Tiên Hoàng, thành phố Pleiku, sau đó đi vòng lại theo đường Trần Phú, hướng từ đường Đinh Tiên Hoàng đến siêu thị Tam Ba. Lúc này, Bình điều khiển xe ô tô chở Mỹ, Vũ và Thuận đi trước, còn Văn điều khiển xe mô tô chở Tài đi sau. Khi đi đến ngã ba giữa đường Trần Phú với đường Võ Thị Sáu, thành phố Pleiku thì Văn và Tài bị một nhóm thanh niên (Hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) cầm hung khí đuổi đánh nên Văn điện thoại cho Bình chở Mỹ, Thuận và Vũ ra đánh lại, đồng thời Văn cùng Tài vút xe mô tô 47T1-023.74 lại tại đó và bỏ chạy qua đường Võ Thị Sáu. Sau khi nhận điện thoại của Văn, Bình

dùng xe ô tô lại để Mỹ cầm kiếm tự tạo dài khoảng 60 cm, Thuận cầm một cây dao tự tạo dài khoảng 1,2 mét, Vũ cầm một cây dao tự tạo dài khoảng 80 cm từ trên xe ô tô nhảy xuống và rượt đuổi để đánh nhóm thanh niên đã đánh Văn và Tài. Nhóm thanh niên đang đuổi theo để đánh Văn và Tài thấy Thuận, Mỹ và Vũ chạy đến nên bỏ chạy đến quán phở của bà Phùng Thị Kim Oanh tại 52/1 đường Trần Phú, Tổ 4, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nên Mỹ, Thuận và Vũ đuổi theo thì gặp các anh Đoàn Văn Minh (Sinh năm: 1989, trú tại: Tổ 11, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku) và Đoàn Văn Nhật (Sinh năm 1990, trú tại: Tổ 11, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku) đi ăn phở đêm tại quán bà Oanh. Do lầm tưởng các anh Đoàn Văn Minh và Đoàn Văn Nhật là những người đã cùng trong nhóm vừa đuổi đánh Phạm Ngọc Văn nên Mỹ, Thuận và Vũ đã đuổi đánh các anh Đoàn Văn Minh và Đoàn Văn Nhật. Tại đây, anh Đoàn Văn Nhật bị Mỹ và Vũ dùng dao và kiếm tự tạo chém 02 nhát vào vai và 01 nhát vào lưng thì anh Nhật bị vấp ngã, Mỹ đâm tiếp một nhát vào phía sau đùi phải của anh Nhật. Sau khi đâm chém anh Đoàn Văn Nhật xong, Mỹ cùng Thuận và Vũ bỏ đi đến siêu thị Tam Ba thì gặp Văn và Tài nên tất cả lên xe ô tô để Bình chở về nhà của Thuận ở Thôn 3, xã Diên Phú, thành phố Pleiku cất giấu hung khí. Riêng bị hại Đoàn Văn Nhật sau đó được đưa đến bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai cấp cứu. Đến ngày 20 tháng 3 năm 2013, Phạm Ngọc Văn nói Nguyễn Thế Vũ và Đào Ngọc Thuận đi về nhà lại Thuận lấy hung khí mang về nhà Văn cất giấu rồi bỏ trốn. Đến ngày 25 tháng 10 năm 2013, Phạm Ngọc Văn bị bắt theo lệnh truy nã. Ngày 10 tháng 01 năm 2014, Đào Duy Bình ra đầu thú. Ngày 15 tháng 01 năm 2014, Trương Hoàng Mỹ ra đầu thú. Ngày 16 tháng 01 năm 2014, Nguyễn Thế Vũ ra đầu thú. Ngày 19 tháng 02 năm 2014, Đào Ngọc Thuận ra đầu thú. Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2014/HSST ngày 24/9/2014 TAND tỉnh Gia Lai đã quyết định: Tuyên bố Phạm Ngọc

Văn, Trương Hoàng Mỹ, Nguyễn Thế Vũ, Đào Ngọc Thuận, Đào Duy Bình phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Và Xử phạt Phạm Ngọc Văn 39 tháng tù, các bị cáo còn lại mức án từ 12 đến 33 tháng tù. Vụ án này tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng. các bị cáo không chỉ xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây xôn xao dư luận ảnh hưởng đến tâm lý lo sợ trong nhân dân. Hình phạt cho các bị cáo là quá nhẹ so với hành vi, vụ án này chưa làm rõ trách nhiệm cụ thể của từng bị cáo.

\* Về việc xét đến tính chất của đồng phạm, Điều 53 BLHS đã quy định: Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm. Qua thống kê 139 bản án thì có nhiều bản án không đánh giá tính chất của đồng phạm là đồng phạm giản đơn, đồng phạm phức tạp hay phạm tội có tổ chức. Việc không đánh giá tính chất của đồng phạm thì không phân tích đánh giá chính xác được tội phạm được thực hiện với hình thức gì, là đồng phạm giản đơn hay đồng phạm phức tạp... từ đó, đánh giá về mức độ nguy hiểm cho xã hội mà tội phạm đã xâm phạm đến để có quyết định hình phạt phù hợp.

\* Về việc xét đến tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm chưa đúng, từ đó xác định vai trò của những người đồng phạm chưa chính xác. Do vậy, quyết định hình phạt đối với họ chưa đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà họ đã tham gia thực hiện tội phạm.

\* Một số trường hợp bỏ lọt tội phạm do xác định đồng phạm không đúng hoặc thiếu; do quy định của BLTTHS về giới hạn xét xử của tòa án (quy định tại Điều 196 BLTTHS) đã làm cho Tòa án xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo không đúng.

Ví dụ: Nội dung vụ án như sau: Trần Thanh Minh, sinh năm 1971 tại Mỏ cày, Bến Tre, tên gọi khác là Trần Thanh Dũng, tạm trú tại nhà nghỉ An

Tiên, đường Hai Bà Trưng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Từ năm 2009 đến năm 2010, Minh chung sống như vợ chồng với chị Trương Thị Tám tên gọi khác là Hạnh, sinh năm 1978 trú tại 31 Nguyễn Thái Học, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nhưng do chị Tám bị bệnh không có con nên Minh thấy chán nản, đã quen và yêu Nguyễn Thị Hồng Nga, sinh năm 1976 tại tổ 4, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Do vậy đã xảy ra mâu thuẫn với chị Tám. Ngày 07/01/2011 khi chị Tám ghe tuông và có hành vi xúc phạm Trần Thanh Minh, Minh đã ngay lập tức dung tay đánh mạnh vào gáy làm gãy xương cổ của chị Tám và mặc dù biết chị Tám chưa chết nhưng để giết cho được chị Tám, Minh đã kéo chị Tám vào đám cỏ khô và đốt lửa để thiêu chết chị Tám. Đối với Nguyễn Thị Hồng Nga, sau khi Minh bị triệu tập đến để lấy lời khai, Nga đã khai gian dối trong khoản thời gian xảy ra vụ án, bị cáo Minh và Nga vẫn lát gạch tuy nhiên lại không truy tố Nga về tội “Khai báo gian dối” là bỏ lọt tội đối với Nga.

\* Về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nghiên cứu 139 vụ án có đồng phạm cho thấy, các bản án đều áp dụng những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc về riêng người đồng phạm nào thì chỉ áp dụng đối với chính người đó. Đa số các bản án đều đã áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 48 của BLHS và hướng dẫn của HĐTPTC tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/08/2000 của HĐPTANTC.

### **2.3. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm**

Những tồn tại, hạn chế đã nêu ở phần trên do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan, thể hiện ở một số điểm như sau:

### ***2.3.1. Nguyên nhân khách quan***

+ Các quy định hiện hành của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn còn rất chung chung, dẫn đến những khó khăn lúng túng trong thực tế áp dụng. Thế nào là tính chất của đồng phạm; tính chất, mức độ tham gia đồng phạm của người phạm tội có khi hoàn toàn phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của những người tiến hành tố tụng. Chính vì quy định không cụ thể nên rất dễ dẫn đến tình trạng tùy tiện, cùng một vụ án có thể có những đánh giá khác nhau. Bộ luật hình sự hiện hành chưa đưa ra nguyên tắc xử lý cụ thể đối với các loại tội phạm được thực hiện bằng đồng phạm thông thường, tức là khi xét xử và quyết định hình phạt đối với đồng phạm loại này thì người phạm tội có bị xử lý nghiêm khắc hơn các trường hợp phạm tội đơn lẻ không, do đó dẫn đến tình trạng việc quyết định hình phạt trong một số trường hợp đồng phạm thông thường giống như phạm tội đơn lẻ, thậm chí có trường hợp còn thấp hơn bình thường.

+ Quy định tại Điều 196 BLTTHS về giới hạn của việc xét xử đó là Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà viện kiểm sát truy tố, tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác trong điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà VKS đã truy tố. Trong trường hợp Tòa án thấy rằng bị cáo phạm tội khác nặng hơn hoặc vụ án còn có người phạm tội khác nhưng khi Tòa án trả hồ sơ để điều tra, truy tố VKS không đồng ý với quan điểm của tòa án, quy định này buộc Tòa án vẫn phải xét xử mặc dù biết việc xét xử và quyết định hình phạt đó là sai.

+ Hầu hết các điều luật trong phần các tội phạm của BLHS đều có khung hình phạt rất dài, điều này tạo nên những bất cập trong việc quyết định hình phạt, đó là mức độ đến đâu thì xử phạt bị cáo mức 07 năm tù, mức 10 năm tù hay 15 năm tù. Điều này cũng dễ gây nên tùy nghi trong việc quyết định hình phạt.

### **2.3.2. Nguyên nhân chủ quan**

+ Với số lượng án lớn mà mỗi thẩm phán phải giải quyết, việc dành đủ thời gian để nghiên cứu sâu về các văn bản pháp luật liên quan đến vụ án là yêu cầu khó có thể được đáp ứng trong thực tế. Vì vậy, có những trường hợp thẩm phán giải quyết vụ án trên cơ sở hiểu biết không đầy đủ hoặc thiếu chính xác về quy định của pháp luật có liên quan.

+ Có những vụ án liên quan đến các lĩnh vực đòi hỏi hiểu biết về kiến thức chuyên ngành phức tạp như tin học, tài chính, kế toán... mà thẩm phán không thể dễ dàng có được.

+ Nhận thức của những người tiến hành tố tụng về đồng phạm, các loại người đồng phạm nhiều khi chưa chính xác, còn có sự nhầm lẫn giữa khái niệm người giúp sức với ý nghĩa là một loại người trong đồng phạm với từ giúp sức, trợ giúp thông thường (giữa những người đồng phạm đều có sự trợ giúp lẫn nhau). Nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt; các căn cứ quyết định hình phạt chung cũng như các căn cứ quyết định hình phạt đặc thù đối với trường hợp đồng phạm cũng chưa được nhận thức đầy đủ dẫn đến việc áp dụng còn tùy tiện. Công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong những năm gần đây mặc dù đã được quan tâm đẩy mạnh nhưng cũng chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

+ Mặt trái của nền kinh tế thị trường đã làm phát sinh hàng loạt các vấn đề xã hội theo hướng tiêu cực cũng ảnh hưởng đến hoạt động quyết định hình phạt, chính sách khen thưởng, bồi dưỡng đối với cán bộ công tác trong ngành pháp luật còn chưa được coi trọng đúng mức, chế độ lương, chế độ thưởng và các chế độ phụ cấp khác cho những người hoạt động trong ngành pháp luật còn thấp.

## **Kết luận Chương 2**

Qua phân trình bày ở chương 2, chúng tôi đã làm rõ những quy định của pháp luật về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đồng thời phân tích, làm rõ thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm ở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, thông qua việc nghiên cứu phân tích, đánh giá các vụ án đã xét xử. Qua phân tích, đánh giá việc quyết định hình phạt của Hội đồng xét xử ở từng bản án đã làm rõ những kết quả đạt được, và những tồn tại, vướng mắc khi thực hiện quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, đồng thời nêu ra những nguyên nhân tồn tại, vướng mắc đó để đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, làm tiền đề cho việc giải quyết những vấn đề ở chương 3.



### CHƯƠNG 3

## NHỮNG GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYẾT ĐỊNH ĐÚNG HÌNH PHẠT TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỒNG PHẠM

### **3.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện và bảo đảm áp dụng đúng quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm**

Chế định quyết định hình phạt trong đồng phạm là một trong những chế định quan trọng của Luật hình sự Việt Nam. Mặc dù Bộ luật hình sự đã sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn tạo điều kiện cho các cơ quan áp dụng pháp luật đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả. Tuy nhiên, một số quy phạm của chế định đồng phạm và chế định quyết định hình phạt nói riêng và quyết định hình phạt trong đồng phạm nói chung trong Bộ luật hình sự hiện hành, ở các mức độ khác nhau vẫn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định, gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật trong hoạt động thực tiễn.

Quyết định hình phạt đúng không chỉ có tác dụng đối với người phạm tội mà còn thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời còn đề cao được tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung. Nhìn chung, khi quyết định hình phạt, đặc biệt là quyết định hình phạt trong đồng phạm các Hội đồng xét xử đã nâng cao tinh thần trách nhiệm khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, động cơ, mục đích, hoàn cảnh, điều kiện và nhân thân người phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng. Chính vì vậy, các vụ án hình sự có kháng cáo, kháng nghị ngày càng có chiều hướng giảm. Tuy nhiên, vẫn có nhiều trường hợp quyết định hình phạt không đúng, trong đó đại đa số là quyết định hình phạt quá nhẹ và cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật, số vụ án quyết định hình phạt quá nặng không nhiều. Việc xét xử quá nhẹ, cho hưởng án treo không đúng pháp luật cũng là một trong những nguyên nhân làm cho tỷ lệ các vụ án có kháng

cáo giám. Việc quyết định hình phạt không đúng có nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân chủ yếu là không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt, nhiều Tòa án đã không chú ý đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà chỉ chú ý đến các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng. Đáng lưu ý là việc áp dụng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cũng thiếu căn cứ, không chính xác, nhiều Tòa án đã xác định cả những tình tiết không phải là tình tiết giảm nhẹ và không được quy định trong điều luật cũng như các văn bản hướng dẫn.

Qua thực tiễn xét xử của tòa án các cấp ta nhận thấy tuy đã có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn một số tồn tại, thiếu sót trong việc xét xử các vụ án hình sự và quyết định hình phạt trong vụ án có đồng phạm. Nguyên nhân chủ quan một phần do tinh thần trách nhiệm hoặc năng lực, nghiệp vụ chuyên môn của thẩm phán nói riêng và hội đồng xét xử nói chung. Do vậy, để nâng cao chất lượng xét xử và đảm bảo hình phạt được áp dụng một cách công bằng, chính xác thì các thành viên hội đồng xét xử phải thường xuyên trau dồi kiến thức, chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp; thẩm phán và hội thẩm nhân dân phải thường xuyên cập nhật kiến thức mới, văn bản pháp luật mới. Thẩm phán phải thực sự công tâm khi xét xử để đảm bảo hình phạt được tuyên đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đấu tranh với tiêu cực trong quá trình giải quyết vụ án. Phải xử lý nghiêm đối với trường hợp cán bộ xét xử oan sai, phải xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên hội đồng xét xử để từ đó xử lý cho chính xác.

Ngày 01 tháng 7 năm 2016, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên trong bộ luật mới những quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm cũng chưa được đề cập một cách đầy đủ. Những quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm chỉ là những quy định chung. Việc hoàn thiện pháp luật là một quá trình lâu dài, do đó

trong phạm vi luận văn này, tác giả đưa ra một số giải pháp sau nhằm ngày càng hơn nữa hoàn thiện pháp luật nói chung và quy định của pháp luật về quyết định hình phạt trong đồng phạm nói riêng.

### **3.2. Những giải pháp bảo đảm áp dụng quy định đúng về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm**

#### **3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự**

Một trong những nguyên nhân dẫn đến những vấn đề hạn chế còn tồn tại trong việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm là do những quy định về việc quyết định hình phạt trong đồng phạm trong BLHS năm 1999 (và BLHS năm 2015) và các văn bản hướng dẫn có liên quan có những nội dung không đầy đủ. Điều đó ảnh hưởng đến kết quả áp dụng pháp luật khi quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, một số bản án quyết định mức hình phạt không chính xác đã ảnh hưởng đến hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đặt ra yêu cầu pháp luật phải được áp dụng công bằng, nhất quán, pháp luật phải bảo đảm tính công khai, sự minh bạch, dễ tiếp nhận, pháp luật phải cụ thể, rõ ràng.

\* Một là về Điều 20 và Điều 53 BLHS năm 1999 (Điều 17 và Điều 58 BLHS năm 2015)

Trong BLHS Việt Nam, đồng phạm được quy định tại Điều 20 và Điều 53 BLHS (và Điều 17 và Điều 58 BLHS năm 2015) không chỉ rõ mức độ trách nhiệm hình sự của từng loại người đồng phạm. Điều 53 BLHS năm 1999 và Điều 58 BLHS năm 2015 quy định việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm nhưng không xác định sự khác nhau về mức độ trách nhiệm hình sự giữa những người tham gia thực hiện tội phạm với người thực hiện tội phạm. Theo Điều 53 BLHS năm 1999 và Điều 58 BLHS năm 2015 thì khi quyết định hình phạt, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm,

tính chất và mức độ tham gia của từng người đồng phạm. Tính chất của đồng phạm thể hiện ở chỗ đó là trường hợp đồng phạm giản đơn hay đồng phạm phức tạp? có dự mưu trước hay không..v.v. Tính chất tham gia phạm tội của mỗi người thể hiện người phạm tội tham gia thực hiện tội phạm với vai trò gì? Người tổ chức hay người xúi dục? người giúp sức hay người thực hành?.... Mức độ tham gia của người đồng phạm thể hiện ở chỗ người đồng phạm tham gia đầy đủ các giai đoạn từ khi chuẩn bị phạm tội đến khi tội phạm hoàn thành hay chỉ tham gia một giai đoạn nào đó...nhưng vấn đề này chưa được Điều 53 BLHS năm 1999 và Điều 58 BLHS năm 2015 quy định chi tiết để áp dụng cho chính xác. Đối chiếu các quy định về đồng phạm trong BLHS Việt Nam với các quy định trong luật hình sự một số nước khác, chúng tôi thấy rằng cách quy định này chỉ tương tự như cách quy định trong BLHS Liên bang Nga và Trung Quốc. Một số BLHS khác đều không quy định vấn đề này như cách của Việt Nam. Ví dụ: Trong chương XI BLHS Nhật Bản, nhà làm luật quy định ngay người đồng thực hiện tại Điều 60, người xúi giục tại Điều 61 và người giúp sức tại Điều 62 mà không có quy định về hình thức phạm tội đồng phạm. Trong các quy định này, nhà làm luật không chỉ mô tả dấu hiệu pháp lý của người đồng phạm thực hiện, người xúi giục và người giúp sức mà còn xác định mức độ trách nhiệm hình sự của họ. Người xúi giục chịu trách nhiệm hình sự như người thực hiện. Người giúp sức chịu trách nhiệm nhẹ hơn người thực hiện (Điều 63). Như vậy, BLHS Nhật Bản không quy định hình thức phạm tội đồng phạm như BLHS Việt Nam mà quy định thẳng trách nhiệm hình sự của từng loại người tham gia thực hiện tội phạm cũng như của người đồng thực hiện. Trong BLHS Cộng hòa liên bang Đức, vấn đề này cũng được quy định tương tự như cách quy định trong BLHS Nhật Bản.

Do nội dung Điều 53 BLHS năm 1999 và Điều 58 BLHS năm 2015 có quan hệ chặt chẽ với nội dung Điều 20 BLHS năm 1999 và Điều 17 BLHS

năm 2015 nên khi sửa đổi, bổ sung Điều 53 BLHS năm 1999 và Điều 58 BLHS năm 2015 thì cần phải nghiên cứu sửa đổi bổ sung Điều 20 BLHS và Điều 17 BLHS năm 2015 mới bảo đảm tính đồng bộ thống nhất, tạo cơ sở pháp lý để phân loại trách nhiệm hình sự và hình phạt giữa các đồng phạm. Nghiên cứu Điều 20 BLHS và Điều 17 BLHS năm 2015 hiện nay thấy rằng, nội dung của điều luật này mới chỉ đề cập đến các khái niệm: Thế nào là đồng phạm? thế nào là người thực hành, người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức và thế nào là phạm tội có tổ chức? mà chưa đề cập đến trách nhiệm hình sự và phân loại trách nhiệm hình sự của từng người đồng phạm. Chúng tôi cho rằng trong điều luật này cần xác định rõ trách nhiệm hình sự của từng người đồng phạm căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do mỗi đồng phạm thực hiện và vai trò của họ theo nguyên tắc xử lý được quy định tại Điều 3 BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 (nghiêm trị kẻ chủ mưu, cầm đầu,..). Theo đó, trong vụ án đồng phạm người chỉ huy cầm đầu, người tổ chức, chủ mưu luôn phải chịu trách nhiệm hình sự nặng nhất, tiếp theo là người thực hành và người xúi giục, người giúp sức chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn người thực hành. Với những phân tích trên, chúng tôi cho rằng cần phải sửa đổi Điều 20 BLHS năm 1999 và Điều 17 BLHS năm 2015 theo hướng quy định về đồng phạm là xác định trách nhiệm của cá nhân về hành vi thực hiện hoặc hành vi tham gia thực hiện tội phạm. Việc xác định hình thức phạm tội đồng phạm chỉ được coi là nội dung thứ hai có liên quan đến vấn đề trách nhiệm hình sự trong trường hợp đồng phạm đặc biệt – phạm tội có tổ chức. Trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Điều 20 BLHS năm 1999 và Điều 17 BLHS năm 2015 như trên, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều 53 năm 1999 BLHS và Điều 58 BLHS năm 2015 về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm theo nguyên tắc sau: Việc quyết định hình phạt đối với mỗi người đồng phạm phải căn cứ vào tính chất của đồng phạm,

tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm. Hình phạt đối với người tổ chức trong mọi trường hợp phải cao hơn người thực hành. Hình phạt đối với người xúi giục thì từng trường hợp, có thể cao hơn, bằng hoặc thấp hơn người thực hành. Hình phạt đối với người giúp sức trong mọi trường hợp phải thấp hơn người thực hành.

\* Hai là về cơ chế lựa chọn hình phạt:

Lựa chọn hình phạt chính xác, phù hợp với tính chất của tội phạm có ý nghĩa hết sức quan trọng, quyết định một hình phạt chính xác sẽ phát huy được hiệu quả giáo dục, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Hệ thống hình phạt trong BLHS Việt Nam bao gồm 7 hình phạt chính và 7 hình phạt bổ sung. Việc lựa chọn một hình phạt chính xác và phù hợp với từng người, từng trường hợp là việc làm không đơn giản, bởi vì chưa có quy định của BLHS cũng như chưa có văn bản hướng dẫn về vấn đề này. Trong các vụ án có đồng phạm, việc lựa chọn hình phạt để áp dụng đối với từng người đồng phạm là vấn đề rất phức tạp, có phải tất cả những người đồng phạm đều phải chịu loại hình phạt như nhau. Theo chúng tôi để lựa chọn loại hình phạt cho chính xác cần quy định cụ thể; trường hợp chưa cụ thể được cần có án lệ để Hội đồng xét xử căn cứ vào đó để lựa chọn.

\* Ba là, Luật hình sự Việt Nam hiện hành quy định khung hình phạt rất rộng, vì vậy việc lựa chọn hình phạt rất khó khăn. Về vấn đề này, PGS-TS Phạm Văn Tình đã đưa ra đề xuất xác định cho được một đại lượng hình phạt phù hợp để đo lường các loại tội phạm trong BLHS, cũng như để quy định với từng tội danh khi xét xử, đó là khái niệm “mức phạt tương thích”, đại lượng chung và nhỏ hơn cả của hình phạt chính, được dùng để đo lường mức độ nguy hiểm cụ thể đối với từng tội danh. Số lượng mức phạt tương thích trong BLHS hiện hành là 10 mức. Để đảm bảo giá trị vốn có của luật hình sự Việt Nam, khi thiết kế cho từng tội danh nhà làm luật chỉ nên lựa chọn các mức

phạt tương thích đang hiện hành để quy định nhất quán, không nên quy định kiểu phá mức( tùy nghi). Theo chúng tôi, khái niệm “mức phạt tương thích” là khái niệm mới đáp ứng yêu cầu “cá thể hóa hình phạt”, đảm bảo tính công bằng và tránh sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật, thu hẹp được tính tùy nghi mà vẫn đảm bảo được sự năng động của hoạt động áp dụng pháp luật, trong các khung hình phạt ở mỗi tội phạm trong Phần các tội phạm của BLHS có giới hạn mức cao nhất và mức thấp nhất của khung hình phạt có sự chênh lệch rất lớn, ví dụ ở tội “cướp tài sản” Điều 133 BLHS năm 1999 và Điều 168 BLHS năm 2015 quy định: người nào dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm. Như vậy, một hoặc một số người phạm tội này đến mức nào thì bị xử phạt 3 năm, 10 năm chưa được quy định cụ thể mà do Hội đồng xét xử cân nhắc quyết định. Theo chúng tôi, luật càng cụ thể, chi tiết càng dễ áp dụng và tránh được sự tùy tiện. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị quá trình xây dựng pháp luật chúng ta nên điều chỉnh khoảng cách tùy nghi trong khung hình phạt theo hướng thu hẹp dần; thu hẹp khoản cách tùy nghi trong cơ cấu dự liệu hình phạt trong BLHS.

\* Bốn là sửa đổi BLHS theo hướng giảm các hình phạt tù ở một số tội phạm ít nghiêm trọng. Thực tiễn xét xử cũng cho thấy, hầu hết các bị cáo phạm tội trong trường hợp có đồng phạm bị xử phạt tù có thời hạn. Hiện nay, yêu cầu của Đảng ta về hoàn thiện pháp luật hình sự theo hướng giảm hình phạt tù Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị ghi rõ “Giảm hình phạt tù , mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số tội phạm...”. Do vậy, cần nghiên cứu, sửa đổi các điều luật theo hướng mở rộng hình phạt không phải là tù.

\* Năm là triển khai thực hiện các quy định của Luật tổ chức tòa án sửa

đôi năm 2014, trong đó thực hiện việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm theo án lệ. Một giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đó là phát triển án lệ. Theo tinh thần quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì các Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân phải nghiên cứu, áp dụng án lệ trong xét xử; về nguyên tắc, việc nghiên cứu, áp dụng án lệ trong xét xử là yêu cầu bắt buộc nếu không áp dụng thì phải nói rõ lý do. Tuy nhiên, hiện nay phát triển án lệ chưa được triển khai thực hiện; do vậy, để phát triển án lệ làm cơ sở cho các Thẩm phán, Hội thẩm áp dụng trong hoạt động xét xử án hình sự. Tòa án nhân dân tối cao cần phải thường xuyên tổng kết công tác thực tiễn xét xử và phát triển án lệ trong lĩnh vực án hình sự để đảm bảo việc áp dụng thống nhất pháp luật. Nguyên tắc này đã được bổ sung vào các quy định Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi và có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2016.

### ***3.2.2. Một số giải pháp khác nhằm bảo đảm quyết định hình phạt đúng trong trường hợp đồng phạm***

Bên cạnh một số kiến nghị sửa đổi hoàn thiện các quy định của BLHS và BLTTHS để nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt nói chung và quyết định hình phạt trong đồng phạm nói riêng, chúng ta còn phải đồng thời kết hợp với một số giải pháp khác sau đây mà theo chúng tôi cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc quyết định hình phạt như con người, tổ chức bộ máy. Yếu tố con người luôn là yếu tố quan trọng trong bất kỳ một hoạt động nào, quyết định hình phạt là một khâu quan trọng trong hoạt động xét xử, việc quyết định hình phạt phù hợp, đúng pháp luật, đảm bảo công bằng và hợp lý phụ thuộc rất nhiều vào các thành viên của Hội đồng xét xử mà cụ thể là các Thẩm phán và Hội thẩm. Để có được những Thẩm phán vừa có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, vừa có phẩm chất đạo đức tốt, kiến thức xã hội phong phú, có tâm huyết với công việc, yêu cầu đòi hỏi phải cần có giải pháp tốt cụ thể là các vấn đề sau:



*Một là, vấn đề tuyển dụng cán bộ:* Đây là khâu quan trọng nhất bởi bắt đầu từ đây một đội ngũ cán bộ sẽ là những thẩm phán – những người cầm cân nảy mực trong tương lai. Vì vậy, để tuyển chọn được những cán bộ có đức có tài, “vừa hồng, vừa chuyên”, có tâm huyết với nghề, trước hết từ khâu thi tuyển phải đảm bảo nghiêm túc, không có tiêu cực trong thi tuyển. Cần phải có cơ chế thu hút người tài như ưu tiên đối với những sinh viên xuất sắc, những người có trình độ sau đại học được ưu tiên tuyển thẳng, tạo điều kiện về nơi ăn, chốn ở cũng như điều kiện làm việc để họ yên tâm công hiến.

*Hai là, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, trách nhiệm nghề nghiệp cho các Thẩm phán.* Bởi vì, hoạt động quyết định hình phạt là hoạt động riêng có của Hội đồng xét xử tức là của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Để quyết định hình phạt chính xác, đúng pháp luật phụ thuộc rất nhiều vào ý thức pháp luật của Thẩm phán và Hội thẩm. Ý thức pháp luật, nhận thức pháp luật của Hội đồng xét xử không cao sẽ dẫn đến việc hiểu sai điều luật, đánh giá sai các tình tiết khách quan của vụ án hoặc đánh giá xem xét một cách qua loa, chiếu lệ, ấn định hình phạt theo cảm tính, theo kinh nghiệm, ở trong trường hợp này hình phạt được quyết định mang tính chủ quan, duy ý chí. Ý thức pháp luật, trình độ nhận thức pháp luật của Thẩm phán và Hội thẩm ở tầm cao thì hình phạt được quyết định thỏa đáng, chính xác và đích thực là sản phẩm của cả quá trình nghiên cứu cân nhắc các căn cứ quyết định hình phạt. Do đó, chúng tôi xin đề xuất:

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán; có các chương trình đào tạo, đào tạo lại đối với đội ngũ thẩm phán. Đối với số Thẩm phán chưa có trình độ cử nhân luật thì cần tạo điều kiện cho họ hoàn thành chương trình đại học, đối với những Thẩm phán đã có trình độ đại học thì cần động viên khuyến khích họ để họ học lên cao hơn. Ngoài ra, bản thân các Thẩm phán cũng phải tự mình nghiên cứu học hỏi các kiến thức

chuyên môn, đúc kết kinh nghiệm, tạo cho mình một bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, có trách nhiệm cao trong công việc.

- Cần xây dựng đội ngũ Thẩm phán theo hướng chuyên sâu không có nghĩa là chuyên về xét xử án hình sự, án dân sự, án kinh tế... mà chuyên sâu ở đây có nghĩa là chuyên xét xử về một loại tội nào đó, ví dụ có Thẩm phán chuyên xét xử các loại tội xâm phạm sở hữu, có Thẩm phán chuyên xét xử đối với tội phạm chưa thành niên. Việc xét xử chuyên sâu như vậy sẽ làm cho các Thẩm phán thông qua hoạt động xét xử của mình tích lũy được các kinh nghiệm trong việc xét hỏi làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án, họ sẽ có sự so sánh và tham khảo các vụ án đã xét xử trước để quyết định hình phạt của vụ án đang xét xử.

*Ba là*, có cơ chế phù hợp để tạo điều kiện cho Hội đồng xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, khi xét xử thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là nguyên tắc hiến định Điều 103 khoản 2 Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã quy định: “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”. Thẩm phán, Hội thẩm là chủ thể của hoạt động quyết định hình phạt, theo quy định của pháp luật thì họ hoàn toàn độc lập khi xét xử nói chung và quyết định hình phạt nói riêng; tuy nhiên, theo cơ chế hiện nay họ còn bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau và chưa thực sự độc lập hoàn toàn còn phụ thuộc vào cơ chế quản lý trong chính nội bộ cơ quan Tòa án, các cơ quan Đảng, Nhà nước mà họ là thành viên trực thuộc chịu sự quản lý. Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện mối quan hệ lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xét xử của Tòa án và mối quan hệ giữa Tòa án với các cơ quan Nhà nước khác; giữa Tòa án với các cơ quan tiền hành tố tụng, mối quan hệ giữa các cấp Tòa án theo tinh thần Nghị quyết 49- NQ/T ngày 02/05/2005 của Bộ Chính Trị về

Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

*Bốn là*, tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho các Hội thẩm; Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn Hội thẩm theo hướng quy định: người được bầu hoặc cử làm Hội thẩm cần phải có trình độ pháp lý nhất định.

*Năm là*, một vấn đề cũng rất quan trọng đối với hệ thống Tòa án hiện nay đó là đời sống cán bộ công chức chưa được quan tâm đúng mức, đồng lương còn thấp so với mặt bằng chung của xã hội, vì vậy dễ nảy sinh vấn đề tiêu cực. Do đó, để đảm bảo vụ án được xét xử công minh, hình phạt được quyết định chính xác và có căn cứ theo quy định của pháp luật cần có các biện pháp cụ thể để xây dựng một đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm trong sạch, liêm khiết, có lương tâm nghề nghiệp. Đó là cần phải có chế độ chính sách tiền lương phù hợp với lao động của cán bộ tư pháp, để họ có thể sống được bằng đồng lương thì họ mới yên tâm cống hiến, làm việc với tinh thần “phụng công thủ pháp, chí công vô tư”, mức lương phải đảm bảo cho cuộc sống gia đình họ.

*Sáu là*, cần xây dựng quy chế quản lý, giám sát đối với Thẩm phán và Hội thẩm trong việc thực thi nhiệm vụ; cụ thể: xây dựng chế tài hành chính để áp dụng đối với những trường hợp Thẩm phán và Hội thẩm áp dụng pháp luật tùy tiện, theo ý chí chủ quan của mình, không đúng quy định của pháp luật, xây dựng nguyên tắc miễn trừ trách nhiệm hình sự đối với thẩm phán nếu họ không phạm vào các tội thuộc Chương XXII- Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp của Bộ luật hình sự và tạo điều kiện thuận lợi để các Thẩm phán yên tâm thực hiện nhiệm vụ xét xử; đảm bảo an toàn tuyệt đối với cơ quan Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm và gia đình họ khi thi hành công vụ.

*Bảy là*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, ý thức tôn trọng pháp luật, trách nhiệm công dân trong phòng chống tội phạm;

nâng cao ý thức trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng trong các vụ án hình sự nói chung và vụ án hình sự có đồng phạm thực hiện tội phạm; thông qua các loại hình văn hóa nghệ thuật, phổ biến rộng rãi gương người tốt, việc tốt; phản ánh kịp thời những hiện tượng tiêu cực, giúp các cơ quan chuyên trách phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật, phạm tội, thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động xét xử và quyết định hình phạt đối với những vụ án hình sự và những vụ án có đồng phạm, kiên quyết khắc phục những sai sót, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xét xử nói chung và trong quyết định hình phạt nói riêng; đảm bảo việc quyết định hình phạt trong các vụ án hình sự luôn khách quan, công bằng và đúng pháp luật.

### **Kết luận Chương 3**

Trong chương 3, chúng tôi đã đưa ra hai nhóm các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt trường hợp đồng phạm. Nhóm giải pháp thứ nhất là kiến nghị sửa đổi, bổ sung thêm một số quy định của BLHS và BLTTHS có liên quan đến việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm. Nhóm biện pháp thứ hai là nhóm biện pháp khác nâng cao hiệu quả việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm như: vấn đề về tuyển dụng cán bộ, tăng cường nâng cao trình độ chuyên môn cho thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, trách nhiệm nghề nghiệp cho thẩm phán, xây dựng thẩm phán chuyên sâu, có cơ chế đảm bảo cho thẩm phán và Hội thẩm nhân dân khi xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, chế độ chính sách tiền lương, khen thưởng cho thẩm phán, đồng thời có cơ chế quản lý giám sát Thẩm phán và Hội thẩm khi họ thực thi nhiệm vụ.

Đó là những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc quyết định hình phạt nói chung trong đó có quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

## KẾT LUẬN

Đồng phạm và một hình thức thực hiện tội phạm đặc biệt mà trong đó hai người trở lên cùng thực hiện tội phạm. Do đó, khi tội phạm được thực hiện bởi đồng phạm thì tội phạm đó thay đổi về chất và mang tính nguy hiểm cao hơn tội phạm riêng lẻ. Vì vậy, quyết định hình phạt trong đồng phạm là trường hợp quyết định hình phạt đặc biệt, vừa phải tuân thủ quy định chung của chế định quyết định hình phạt, vừa phải tuân thủ quy định đặc thù của trường hợp đồng phạm. Việc nắm vững bản chất pháp lý của quyết định hình phạt sẽ giúp tòa án các cấp quyết định hình phạt trong thực tế được đúng. Quyết định hình phạt trong đồng phạm là việc tòa án lựa chọn một loại và mức hình phạt cụ thể với mức độ cụ thể không chỉ cho một bị cáo mà cho nhiều bị cáo trong vụ án về một hoặc nhiều tội mà họ cùng phạm. Quyết định hình phạt trong đồng phạm đúng không chỉ là cơ sở để đạt được mục đích của hình phạt cũng như nâng cao hiệu quả của hình phạt mà còn góp phần củng cố pháp chế và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Do tính chất đặc thù của đồng phạm là một hình thức thực hiện tội phạm đặc biệt mà trong đó hai người trở lên cùng thực hiện tội phạm nên nguyên tắc xác định trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt không giống với các trường hợp phạm tội riêng lẻ. Khi quyết định hình phạt đối với những người phạm tội trong vụ án đồng phạm, ngoài việc tuân theo các nguyên tắc quyết định hình phạt trong đồng phạm, tòa án còn phải dựa vào các căn cứ quyết định hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự để tạo cơ sở pháp lý cho tòa án quyết định hình phạt được đúng đắn. Các căn cứ quyết định hình phạt là cơ sở pháp lý được quy định trong Bộ luật hình sự mà Tòa án tuân thủ khi quyết định hình phạt cho người phạm tội. Các căn cứ này bao gồm: tính chất của đồng phạm; tính chất, mức

độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia của từng người đồng phạm; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của riêng từng đồng phạm. Qua thực tiễn áp dụng quy định về quyết định hình phạt trong đồng phạm cho thấy khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội nói chung và đối với từng người đồng phạm nói riêng vẫn có nhiều thiếu sót như quyết định hình phạt còn quá nhẹ, áp dụng chế định án treo không đúng quy định pháp luật... Để nâng cao hiệu quả hoạt động quyết định hình phạt của tòa án thì công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cũng như cải tiến phương pháp làm việc của các cán bộ xét xử giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Mặt khác, công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong quần chúng nhân dân để nhân dân hiểu và tự giác tuân thủ pháp luật có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hỗ trợ cho hoạt động xét xử của Tòa án thật sự có hiệu quả

Trên cơ sở nghiên cứu về lý luận, pháp luật và thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm trên địa bàn tỉnh Gia Lai, luận văn đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm như: hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự về đồng phạm theo hướng tạo cơ chế cho phép Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với người đồng phạm phù hợp với vai trò và mức độ tham gia đồng phạm của họ; kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật liên quan đến quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm; triển khai thực hiện án lệ, tăng cường nâng cao năng lực và phẩm chất đạo đức của cán bộ làm công tác xét xử, tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động xét xử...Chúng tôi tin rằng những giải pháp này không chỉ phù hợp với Gia Lai mà còn phù hợp với nhiều địa phương trong cả nước, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự ở nước ta.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp (1996), *Bộ luật hình sự Vương quốc Thụy Điển* (Bản dịch tiếng Việt - Tài liệu tham khảo), Hà Nội
2. Lê Cẩm (1988), *Về chế định đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam (Một số vấn đề lý luận và thực tiễn)*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (2+3).
3. Lê Cẩm (1989), *Vấn đề pháp lý của quy phạm "nguyên tắc quyết định hình phạt" tại Điều 37 Bộ luật hình sự Việt Nam (Một số vấn đề lý luận - thực tiễn và hoàn thiện pháp luật)*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (1+2).
4. Lê Cẩm (1999), *Những cơ sở khoa học - thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật hình sự nước ta trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Khoa học (KHXH), (2).
5. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự*, tập III, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (Chủ biên) (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (tái bản lần thứ nhất, 2003).
7. Lê Cẩm (Chủ biên) (2002), *Những vấn đề cơ bản về pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới*, Tạp chí Thông tin Khoa học pháp lý, (8).
8. Lê Cẩm (2003), *Hệ thống pháp luật hình sự Liên bang Nga*, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, (1).
9. Lê Cẩm (Chủ biên) (2003), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Chính phủ (1946), *Sắc lệnh số 27/SL ngày 28/02 về truy tố các tội bắt cóc, ám sát, tống tiền*, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01*

*của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Hà Nội.*

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
15. Lê Văn Đệ (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Nguyễn Ngọc Hòa (1991), *Tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Ưông Chu Lưu (Chủ biên) (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 - Tập 1 (Phần chung)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Dương Tuyết Miên (2003), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
19. Nguyễn Niên (1986), *Những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
20. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (Phần chung)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Lê Cẩm, Võ Khánh Vinh (1988), *Quyết định hình phạt nhẹ hơn khung hình phạt đối với một tội: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật (Số 1+2)
22. Võ Khánh Vinh (Chủ biên), (2014), *Luật hình sự Việt Nam phần chung (Giáo trình sau đại học)*, Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội.
23. Đỗ Đức Hồng Hà (2013), *Chỉ dẫn áp dụng Bộ luật hình sự Việt Nam đã được sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nhà xuất bản lao động.
24. Trần Quang Tiệp (2000), *Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Luận



án tiên sỹ, Trường Đại học luật Hà Nội

25. Luật tổ chức tòa án nhân dân sửa đổi, bổ sung Quốc hội thông qua ngày 24/11/2014.
26. Nguyễn Văn Hiện (1999), *Một số vấn đề quyết định hình phạt trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi*, Tạp chí Tòa án nhân dân.
27. Nguyễn Ngọc Hòa (1999), *Sửa đổi quy định của Bộ luật hình sự 1999 về đồng phạm và vấn đề có liên quan đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (Số chuyên đề về sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự).
28. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên 2009), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
29. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, *NQ 01/2000/HĐTP ngày 04/08/2000 Hướng dẫn một số quy định trong phần chung của BLHS 1999*.
30. Phạm Mạnh Hùng (2003), *Hoàn thiện quy định về cơ sở của TNHS đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và đồng phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 2, Hà Nội.
31. Dương Tuyết Miên (2000), *Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 7, Hà Nội.
32. Quốc hội (2013), *Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam năm 2013*.
33. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985*.
34. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999*.
35. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003 có hiệu lực từ ngày 01/07/2004*.
36. Trần Văn Sơn (2000), *Quyết định hình phạt theo quy định của BLHS*

- 1999, Tạp chí Tòa án nhân dân số 10.
37. Trần Quang Tiệp (2000), *Đồng phạm trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ trường Đại học Luật Hà Nội.
  38. Dương Văn Tiến (1986), *Các hình thức đồng phạm và trách nhiệm hình sự của những người đồng phạm*, Tạp chí Luật học số.
  39. Phạm Văn Tĩnh (2000), *Mức phạt tương thích - Đại lượng chung để đánh giá và hoàn thiện pháp luật Hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 9.
  40. Nguyễn Trung Thành (1999), *Phạm tội có tổ chức trong Luật Hình sự Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 9.
  41. Đặng Thị Thanh (1998), *Quyết định hình phạt trong những trường hợp đặc biệt*, Luận văn thạc sĩ Viện Nhà nước và pháp luật.
  42. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn quyết định hình phạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 19.
  43. Tòa án nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết các năm từ năm 2008 đến năm 2014*,
  44. Tòa án nhân dân tối cao, *Tham luận tại Hội nghị triển khai công tác Tòa án năm 2013, năm 2014, năm 2015*.
  45. Võ Khánh Vinh (1988), *Quyết định hình phạt: Một số vấn đề chung*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 4.
  46. Võ Khánh Vinh (1990), *Pháp chế XHCN và việc quyết định hình phạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân Số tháng 7.
  47. Võ Khánh Vinh (1990), *Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm khi quyết định hình phạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 12.
  48. Võ Khánh Vinh (1990), *Vai trò của ý thức pháp luật và niềm tin nội tâm trong việc quyết định hình phạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 01.

49. Võ Khánh Vinh (1991), *Cân nhắc nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt*, Tạp chí Tòa án Nhân dân số tháng 8.
50. Võ Khánh Vinh (1999), *Tập Bài giảng Luật Hình sự Việt Nam (phần chung)*, Đại học Huế - Trung tâm đào tạo từ xa.
51. Trần Thị Quang Vinh (2001), *Ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong chế định quyết định hình phạt theo BLHS 1999*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số tháng 7.